

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

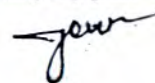
PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

Tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2025 trong bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến mới, phức tạp, khó lường, xung đột địa chính trị, cạnh tranh thương mại; thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đời sống Nhân dân...

Trong bối cảnh đó, xác định năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và quyết định trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2021 - 2025; đồng thời là năm thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo mô hình chính quyền hai cấp¹, tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các cấp ủy đảng, chính quyền đã khẩn trương, nỗ lực vào cuộc, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp tại các Chương trình và Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; cùng với sự cố gắng nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp (DN) và Nhân dân trong toàn tỉnh nên tình hình KT-XH năm 2025 của tỉnh nhà sau hợp nhất đã đạt những kết quả quan trọng, toàn diện trên nhiều lĩnh vực: Tăng trưởng kinh tế năm 2025 dự kiến đạt 8% theo mục tiêu đề ra; ước cả năm 2025 dự kiến cơ bản đạt và vượt 17/17 chỉ tiêu chủ yếu so với kế hoạch đề ra²; nông nghiệp phát triển ổn định, công nghiệp duy trì đà tăng trưởng, thương mại - dịch vụ và du lịch khởi sắc; các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phong phú, đa dạng được chuẩn bị và tổ chức sôi nổi; các sự kiện chính trị được tổ chức chu đáo, đặc biệt đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; thu hút đầu tư tăng khá, môi trường đầu tư từng bước được cải thiện; an sinh xã hội được đảm bảo; đời sống văn hóa và tinh thần của người dân tiếp tục được nâng cao; tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm.

¹ Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Quảng Trị (mới) chính thức đi vào hoạt động trên cơ sở hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị, có diện tích tự nhiên 12.700 km² và quy mô dân số 1.870.845 người; giảm 18 đơn vị hành chính cấp huyện; sắp xếp từ 264 xã, phường, thị trấn còn 78 phường, xã, đặc khu.

² Theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh về các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2025.



I. KẾT QUẢ DỰ ƯỚC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 8,0% (KH 8,0%, TH cùng kỳ 6,54%);
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 18,1%; công nghiệp - xây dựng 29,5%; dịch vụ 48,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,8% (KH: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 17,6%; Công nghiệp - xây dựng: 31%; Dịch vụ: 47,7%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 3,7%);
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt gần 13.400 tỷ đồng (KH 11.600 - 12.100 tỷ đồng);
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 70.100 tỷ đồng (KH 69.800 tỷ đồng);
- GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt 79,1 triệu đồng (KH 79,1 triệu đồng).

2. Các chỉ tiêu xã hội

- Giải quyết việc làm cho 35.000 lao động (KH 34.000 lao động);
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73,6% (KH 73,6%), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32,6% (KH 32,6%);
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,01% theo chuẩn nghèo đa chiều (KH 1%);
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 66,9% (KH 66,8%);
- Số bác sỹ và giường bệnh bình quân trên 1 vạn dân đạt 11,4 bác sỹ và 38,3 giường bệnh (KH 11,4 bác sỹ và 38,3 giường bệnh);
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,2% (KH 95,1%);

3. Các chỉ tiêu về môi trường, đô thị, nông thôn

- Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 86,2% (KH 86,2%);
- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch và hợp vệ sinh đạt 98,4% (KH 98,4%);
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 91,2 % (KH 89,5%); trong đó, khu vực đô thị đạt 98% (KH 97,5%); khu vực nông thôn đạt 83,5% (KH 83,3%).
- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100% (KH 100%);
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 61,5% (KH 61,5%);
- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn NTM đạt 56,5% (KH 56,5%).

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Tăng trưởng kinh tế (GRDP)

Năm 2025, nền kinh tế của tỉnh đạt kết quả tích cực; sản xuất công nghiệp tăng trưởng mạnh; các ngành dịch vụ, đặc biệt là ngành du lịch phát triển mạnh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng. Nhờ đó, dự kiến tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2025 đạt kế hoạch đề ra; ước tính tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 tăng 8,00% so với năm 2024; trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9% (KH 3,5%, TH cùng kỳ 3,22%). Khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 10,8% (KH 10,8%, TH cùng kỳ 7,62%), trong đó, công nghiệp tăng 8,3% (KH 8,4%, TH cùng kỳ 5,62%), xây dựng tăng 13,0% (KH 12,9%, TH cùng kỳ 9,5%); Khu vực dịch vụ tăng 8,3% (KH 8,1%, TH cùng kỳ 7,15%); Thuế sản phẩm trừ trợ

cấp sản phẩm tăng 7,4% (KH 6,5%, TH cùng kỳ 7,0%). Đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng kinh tế năm 2025 là khu vực dịch vụ; tiếp đến là khu vực công nghiệp - xây dựng³. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản⁴.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dự kiến không đạt kịch bản đề ra do thời tiết diễn biến bất thường, cực đoan hơn so với trung bình nhiều năm, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm dịch bệnh chăn nuôi diễn biến phức tạp, thiên tai, mưa lũ gây ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất cây trồng, nuôi trồng và khai thác thủy sản. Khu vực công nghiệp mặc dù tăng cao so với năm trước, tuy nhiên dự báo không đạt được mức tăng trưởng kỳ vọng do hoạt động sản xuất kinh doanh các dự án điện gió bị ảnh hưởng bởi việc điều độ cắt giảm công suất phát điện liên tục vào những tháng cuối năm.

2. Tình hình thực hiện công tác kế hoạch, quy hoạch và phát triển đô thị

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, xây dựng và hoàn thiện nội dung về KT-XH, Quốc phòng - An ninh, Đối ngoại tại Báo cáo chính trị số 79-BC/TU ngày 25/9/2025 của BCH Đảng bộ tỉnh trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I; kịp thời cập nhật các kịch bản tăng trưởng năm 2025, ban hành Kế hoạch hành động số 750/KH-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH và dự toán NSNN bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tỉnh Quảng Trị năm 2025 đạt 8% trở lên; đồng thời xây dựng các kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Thông báo của Văn phòng Trung ương Đảng về kết quả chuyển thăm và làm việc tại tỉnh của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

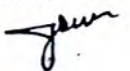
Công tác quy hoạch tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo tập trung rà soát các quy hoạch để phục vụ xúc tiến đầu tư; đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Bình theo quy trình, thủ tục rút gọn⁵; hiện đang khẩn trương thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chỉ đạo của Chính phủ. Đã tập trung triển khai lập các quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành, đặc biệt là các quy hoạch đô thị, KKT, KCN quan trọng⁶, chỉ đạo công tác lập quy hoạch chung cấp xã trên địa bàn tỉnh.

³ Khu vực dịch vụ, đóng góp 4,2 điểm %; công nghiệp - xây dựng, đóng góp 3,0 điểm %; Nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,5 điểm %; Thuế SP trừ trợ cấp SP đóng góp 0,3 điểm %.

⁴ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 18,1%, giảm 0,81 điểm %; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 29,5%, tăng 0,48 điểm %; khu vực dịch vụ chiếm 48,6%, tăng 0,35 điểm %; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,8%, giảm 0,02 điểm % so với năm 2024.

⁵ Tại Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

⁶ như: Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đến năm 2050; Quy hoạch phân khu Quần thể Khu du lịch sinh thái, thể dục thể thao, dịch vụ giải trí và dân cư tại khu vực hồ Thác Chuối và Nông trường Việt Trung, tỷ lệ 1/2000; Quy hoạch điều chỉnh mở rộng mặt cắt tuyến đường Trương Pháp (đoạn từ nút giao với đường ven biển rộng 48m thuộc phường Đồng Thuận đến nút giao với đường Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới) thuộc Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2045. Quy hoạch chi tiết dọc kênh Khe Duyên thuộc phường Đồng Hới và phường Đồng Thuận tỷ lệ 1/500; : Đang lập điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2045; Lập nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị đến năm 2045



Các chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển nhà ở được đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình phê duyệt. Tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung chấn chỉnh xử lý việc thao túng giá, đầu cơ bất động sản, chỉ đạo việc phát triển thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh, bền vững; chú trọng triển khai thực hiện Nghị quyết 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; đến nay, đã thực hiện được 574 căn hộ⁷ trên tổng số 442 căn hộ theo kế hoạch năm 2025.

Bên cạnh đó, các quy định về phân loại đô thị trước đây chưa tương thích với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong khi quy định mới chưa được ban hành, gây khó khăn trong công tác quản lý và rà soát, điều chỉnh quy hoạch, đặc biệt là việc một số đề án phân loại đô thị phải tạm dừng; xu hướng di cư do sắp xếp ĐVHC và tỷ lệ tăng dân số thấp khiến việc đáp ứng tiêu chí dân số để nâng loại đô thị trở nên rất khó khăn; hạ tầng đô thị một số nơi còn chưa đồng bộ.

3. Tình hình phát triển kinh tế

3.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Dự ước giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 (theo giá so sánh năm 2010) tăng 2,9% so với năm trước⁸. Cụ thể các lĩnh vực như sau:

a) Về trồng trọt: Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết bất lợi, song nhờ sự chỉ đạo kịp thời của các cấp, các ngành và việc đầu tư, cải thiện hạ tầng thủy lợi, các vụ sản xuất vẫn được triển khai đúng kế hoạch. Diện tích gieo trồng thực hiện hơn 164.680 ha, giảm 0,8% so với năm trước⁹. Năng suất, sản lượng nhiều loại cây trồng tăng so với năm trước¹⁰. Các loại cây lâu năm tiếp tục được duy trì ổn định¹¹; nhiều loại cây công nghiệp, cây ăn quả được mùa, cho năng suất cao và sản lượng tăng so với năm trước¹². Nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung được mở rộng theo hướng chuyên canh các cây trồng chủ lực; một số vùng đã được cấp mã số vùng trồng, góp phần nâng cao giá trị và truy xuất nguồn gốc sản phẩm¹³. Nhiều

⁷ Gồm 142 căn hộ tại dự án Khu đô thị dịch vụ và Thương mại Nam Đông Hà; 416 căn tại Khu Kinh tế, khu công nghiệp tỉnh do Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện cho công nhân Trung tâm điện lực Quảng Trạch và 16 căn cho công nhân, cán bộ Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Quảng Bình.

⁸ Trong đó: Nông nghiệp tăng 0,68%; lâm nghiệp tăng 13,74%; thủy sản tăng 1,84%

⁹ Trong đó: Diện tích vụ Đông Xuân 85.472,3 ha, giảm 0,7%; diện tích vụ Hè Thu 77.652,3 ha, giảm 0,8%; diện tích vụ Mùa 1.556,8 ha, giảm 7,0%. Nguyên nhân diện tích giảm chủ yếu do một số cây trồng kém hiệu quả nên người dân thu hẹp diện tích, cùng với việc thu hồi đất để phục vụ xây dựng hạ tầng và các tuyến cao tốc

¹⁰ Về năng suất: ngô đạt 49,48 tạ/ha, tăng 9,4%; khoai lang đạt 80,18 tạ/ha, tăng 2,9%; sắn đạt 163,68 tạ/ha, tăng 0,1%; lạc đạt 22,82 tạ/ha, tăng 5,5%; rau các loại đạt 108,02 tạ/ha, tăng 0,6%; đậu các loại đạt 10,75 tạ/ha, tăng 4,7% so với năm trước. Về sản lượng: ngô đạt 42.230,7 tấn, tăng 5,8%; kê đạt 191,5 tấn, tăng 27,8%; sắn đạt 330.535,8 tấn, tăng 0,6%; lạc đạt 13.341,3 tấn, tăng 1,5%; đậu các loại đạt 2.902,2 tấn, tăng 0,3%; Khoai lang đạt 30.683,7 tấn, giảm 2,7%; rau các loại đạt 125.789,7 tấn, giảm 0,4% so với năm trước.

¹¹ Ước tính diện tích cây lâu năm thực hiện 48.077,9 ha, giảm 0,2% so với năm trước

¹² Năng suất: Cây chè 86,94 tạ/ha, tăng 0,02%; cao su 13,13 tạ/ha, tăng 1,3% (do 6 tháng đầu năm thời tiết thuận lợi có nắng nhiều, giá cao su ổn định thu nhập cao đã khuyến khích người dân khai thác nhiều nên năng suất cao); hồ tiêu 11,52 tạ/ha, tăng 1,7%; cà phê 13,11 tạ/ha, tăng 2,4%; cây cam 82,56 tạ/ha, tăng 1,1%; cây chuối 152,22 tạ/ha, tăng 1,4%; cây ổi 72,96 tạ/ha, tăng 0,7% so với năm trước.

Sản lượng: Chè 2.800,2 tấn, giảm 0,3%; cao su 32.354 tấn, tăng 2,3%; hồ tiêu 3.365 tấn, tăng 2,3%; cà phê 4.379,7 tấn, tăng 2,3%; cam 4.005 tấn, tăng 1,5%; chuối 73.252 tấn, tăng 0,4%; ổi 3.561 tấn, tăng 0,7% so với năm trước

¹³ Như: vùng lúa chất lượng cao tại các xã đồng bằng (Nam Hải Lăng, Vĩnh Định, Diên Sanh, Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Triệu Bình, Triệu Cơ, Lệ Thủy, Trường Ninh, Vĩnh Định...); vùng sắn và ngô tại khu vực gò đồi (Bố Trạch, Trường Sơn, Triệu Phong, Phường Quảng Trị,...); vùng cây ăn quả, cây dược liệu và cà phê đặc sản ở miền núi (Khe Sanh, Hướng Phùng, Phong Nha...).

mô hình canh tác hữu cơ đã được triển khai tại các vùng chuyên canh rau, lúa và cây ăn quả¹⁴.

b) Về chăn nuôi: Sản xuất chăn nuôi năm 2025 trên địa bàn tỉnh có nhiều biến động. Dịch bệnh trên đàn lợn tuy bùng phát mạnh trong quý III nhưng đã được cơ bản kiểm soát hiệu quả; người dân tái đàn kịp thời, giúp quy mô đàn lợn phục hồi đáng kể. Đàn bò trong dân có xu hướng giảm, song tại các DN lại tăng, nên tổng đàn bò chung toàn tỉnh vẫn tăng so với cùng kỳ; đàn gia cầm, đặc biệt đàn gà tăng mạnh¹⁵. Dự ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm đạt hơn 151.700 tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ¹⁶. Công tác kiểm dịch và tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi, tập trung dập dịch triệt để ở lợn và bò được tăng cường. Phương thức chăn nuôi tiếp tục chuyển mạnh từ nông hộ sang trang trại¹⁷; nhiều dự án chăn nuôi quy mô lớn đang được đầu tư¹⁸.

c) Về lâm nghiệp: Sản xuất lâm nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực; công tác lâm sinh triển khai theo đúng kế hoạch. Sản lượng gỗ tiếp tục tăng mạnh nhờ diện tích rừng trồng đến kỳ thu hoạch và nhu cầu gỗ nguyên liệu từ các nhà máy trong tỉnh tiếp tục tăng. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt gần 2,26 triệu m³, tăng 14,1%; diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 24.350 ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ. Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển hợp tác xã, nhóm hộ trồng rừng gắn với cấp chứng chỉ, dự kiến đến cuối năm có thêm 20.874 ha được cấp, nâng tổng diện tích lên 57.720 ha. Hoàn thiện phương án quản lý rừng bền vững cho 172.156 ha. Các ngành chức năng tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng trong cộng đồng dân cư.

d) Về thủy sản: Sản xuất thủy sản năm 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Các loại dịch bệnh trên đối tượng nuôi được phát hiện sớm, khống chế và xử lý kịp thời; nhiều phương tiện khai thác tiếp tục được ngư dân đầu tư, cải hoán và nâng cấp, đáp ứng yêu cầu vươn khơi, bám biển dài ngày. Tăng cường chỉ đạo về chống khai thác IUU khắc phục thẻ vàng của EC, đặc biệt chú trọng theo dõi và xử lý tàu cá mất kết nối giám sát hành trình và tàu cá vượt ranh

¹⁴ DT sản xuất cây trồng hữu cơ, canh tác tự nhiên: 765,59 ha (cây lúa 558,65 ha; hồ tiêu 99,54 ha; cây ăn quả 18,3 ha; cây dược liệu 67,6 ha; cây cà phê 20 ha; cây rau 1,5 ha); số nhà màng, nhà kính: 98 nhà, DT 8,8ha; DT ứng dụng thiết bị bay không người lái trong chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh trên 12.000 ha; DT liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hơn 17.700 ha (cây sắn 8.000 ha; cây lúa 8.500 ha; cây ăn quả các loại 500 ha; cây cà phê 500 ha; Hồ tiêu 200 ha);

Toàn tỉnh có 72 mã số vùng trồng với DT trên 3.300 ha gồm các loại cây trồng: cây lúa, hồ tiêu, cây nôm, cây an xoa, nghệ, sen, sả, rau các loại và 02 cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (xuất khẩu chuỗi đi thị trường Trung Quốc).
¹⁵ Dự ước tổng đàn đến hết 2025: Trâu 49.180 con, giảm 2,5%CK, đạt 100,36%KH; Bò 151.860 con, tăng 3,72%CK, tăng 2,94%KH; Lợn 460.228 con, giảm 8,1%CK, đạt 89,8%KH; đàn gia cầm 10,27 triệu con, tăng 2,34%CK, tăng 2,25% KH

¹⁶ Thịt trâu 2.536,0 tấn, giảm 1,5%; thịt bò 13.156,0 tấn, tăng 6,9%; thịt lợn 86.850,0 tấn, tăng 0,3%; thịt gia cầm 49.172,9 tấn, tăng 5,9% (trong đó: Thịt gà 36.940,0 tấn, tăng 6,6%); Sản lượng trứng ước đạt 197.967,5 nghìn quả, tăng 3,7% so với năm trước.

¹⁷ Toàn tỉnh có 1.021 trang trại chăn nuôi (36 quy mô lớn, 284 vừa, 701 nhỏ); 01 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Sepon (5.000 tấn/năm), 02 cơ sở sản xuất bột cá (2.000 tấn/năm) và khoảng 250 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Dự án Nhà máy thức ăn chăn nuôi KIDOS (KHCHN Tây Bắc Hồ Xá) đang xây dựng, tổng vốn 350 tỷ đồng, công suất dự kiến 100.000 tấn/năm.

¹⁸ Có 28 dự án chăn nuôi quy mô lớn đã được tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và nhiều dự án khác đang xin chủ trương đầu tư trong đó nổi bật như: dự án chăn nuôi lợn giống và thương phẩm CNC của Tập đoàn DABACO (6.200 nái, 80.000 lợn thịt); Cty TNHH Phát triển năng lượng & NN CNC Quảng Trị (1.000 bò, 7.500 nái, 72.000 lợn thịt); Cty CP Việt Thái HT (90.000 lợn thịt); Cty CP Thành Sen HT-QT (6.000 nái, 200 đực giống). Đáng chú ý, dự án Trang trại chăn nuôi lợn CNC Gia Hân của Cty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam quy mô 15.000 nái, 180.000 lợn thịt, vốn đầu tư 2.000 tỷ đồng đã khởi công.

giới trên biển¹⁹. Nhiều mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học được triển khai và nhân rộng, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực²⁰; khuyến khích nuôi biển và nuôi thủy sản nước ngọt. Ước tính sản lượng thủy sản cả năm đạt hơn 138.600 tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ²¹.

đ) Công tác xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần tích cực vào bộ mặt nông thôn và phát triển KT-XH toàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh đã có 39 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 56,52%); có 13 thôn, bản thuộc xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn; 260 thôn, khu dân cư đạt chuẩn kiểu mẫu; có 333 vườn hộ gia đình được công nhận vườn mẫu NTM. Đến nay đã có 372 sản phẩm OCOP được công nhận; trong đó có 03 sản phẩm OCOP 5 sao²².

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp trong năm nhìn chung chịu nhiều tác động do thời tiết bất lợi nên năng suất và sản lượng lúa đều giảm²³, dẫn đến sản lượng lương thực năm 2025 giảm 7% so với năm trước, đạt khoảng 590.000 tấn. Dịch tả lợn châu Phi bùng phát trong quý III đã gây thiệt hại nặng nề đối với sản xuất chăn nuôi²⁴. Mặc dù các lực lượng đã chủ động PCCC, tuy nhiên do thời tiết nắng nóng gay gắt kéo dài, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 5 vụ cháy rừng với diện tích thiệt hại 9,5 ha; có 4 vụ vi phạm rừng và diện tích rừng bị phá 0,8 ha. Chi phí nhân công tăng, nguồn lợi thủy sản hạn chế nên mức tăng sản lượng khai thác không cao so với những năm gần đây.

3.2. Công nghiệp

Dự ước giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp năm 2025 tăng 8,3% so với cùng kỳ. Các cấp, các ngành triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, tập trung đơn đốc triển khai, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp trọng điểm²⁵. Các DN công nghiệp cũng chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới công nghệ, chú trọng hơn vào chất lượng sản phẩm, mở rộng tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Nhờ đó, nhiều DN đã có các đơn hàng mới để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất. Một số ngành sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ (đặc biệt là các dự án viên nén gỗ); sản xuất giấy và

¹⁹ Đến nay, không có tàu cá của tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt giữ. Đã lắp đặt trên 1.339/1.350 thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá xa bờ đạt (chiếm 99,2%, còn 11 tàu),

²⁰ Tổng DT toàn tỉnh là 192,7 ha (trong đó: 100,3 ha Công ty TNHH Thủy sản CNC Việt Nam đầu tư; Vĩnh Linh (29,7 ha), Gio Linh (8,4 ha), Triệu Phong (5,3 ha), Hải Lăng (8,1 ha), Đông Hà (9,7 ha), Đồng Hới (11,2ha); Quảng Ninh (20ha) đối tượng chủ yếu là tôm thẻ chân trắng.

²¹ trong đó, sản lượng khai thác đạt hơn 116.450 tấn, tăng 0,6%; sản lượng nuôi trồng thu hoạch đạt gần 22.150 tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ

²² 63 sản phẩm 4 sao, 306 sản phẩm OCOP 03 sao.

²³ Năng suất lúa đạt 52,89 tạ/ha, giảm 7,5% (trong đó: Vụ Đông Xuân đạt 60,17 tạ/ha, giảm 5,0%; vụ Hè Thu đạt 45,56 tạ/ha, giảm 11,6%; vụ Mùa đạt 12,10 tạ/ha, tăng 1,5%). Sản lượng lúa đạt 547.599,6 tấn, giảm 7,9%;

²⁴ Lũy kế đến ngày 28/10/2025, dịch bệnh đã xảy ra ở 12.016 hộ/730 thôn/64 xã, phường làm 102.383 con lợn buộc tiêu hủy, với tổng trọng lượng 6.434.874 kg. Hiện còn 36/64 xã, phường có dịch chưa qua 21 ngày và 28/64 xã đã qua 21 ngày

²⁵ (1) Tiến độ tổng thể Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I đến nay đạt 96,71%; (2) Dự án Thủy điện La Trọng đã hoàn thành xây dựng và lắp đặt các hạng mục chính, chỉ còn hạng mục tuyến đường dây 110kV (dài 31,7 km) đấu nối từ Nhà máy thủy điện La Trọng vào hệ thống điện quốc gia. (3) Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II: Sở Công Thương đã hoàn thành thẩm định lập dự án đầu tư (ngày 10/9/2025); (4) Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch III: Công tác giải phóng mặt bằng đã hoàn thành và không phải bổ sung thêm đất; Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang phối hợp với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. (5) Dự án Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đấu nối đang được thi công và dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào vận hành trong quý 4/2025...

sản phẩm từ giấy...²⁶, qua đó tạo động lực duy trì tăng trưởng công nghiệp chung của tỉnh. Các năng lực sản xuất mới được đưa vào hoạt động trong thời gian qua phát huy được hiệu quả²⁷. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2025 ước tăng 8,3% so với cùng kỳ²⁸.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn đối mặt với nhiều khó khăn: DN ngành khai thác quặng kim loại chưa gia hạn hoặc ký thêm được hợp đồng mới; một số ngành công nghiệp sản xuất cầm chừng và có xu hướng giảm do thiếu nguyên liệu bị ảnh hưởng của đợt lũ bất thường vào tháng 6; một số sản phẩm sản xuất năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm trước²⁹; tiến độ vận hành thương mại và việc điều độ cắt giảm công suất các dự án điện gió vào những tháng cuối năm đã ảnh hưởng chung đến tăng trưởng của ngành công nghiệp.

3.3. Thương mại, dịch vụ

a) *Thương mại*: Thị trường bán lẻ hàng hoá tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng nhờ hoạt động sản xuất và nhu cầu tiêu dùng ổn định. Các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện ích tiếp tục được mở rộng trên địa bàn (như chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh trong năm 2025), tạo thêm nguồn cung hàng hóa đa dạng và nâng cao chất lượng dịch vụ. Kênh thương mại điện tử tăng trưởng mạnh với nhiều chương trình kích cầu, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và giao hàng nhanh. Hàng hóa thiết yếu được bảo đảm nguồn cung, đặc biệt vào các dịp cao điểm như: lễ, Tết, mùa du lịch,... Người tiêu dùng có xu hướng ưu tiên sản phẩm nội địa và nội tỉnh, rõ nét ở nhóm hàng tiêu dùng nhanh và nông sản thực phẩm. Công tác quản lý thị trường được tăng cường, góp phần kiểm soát hàng giả, hàng kém chất lượng và hiện tượng đầu cơ tăng giá. Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 12,5% so với cùng kỳ.

b) *Du lịch*: Hoạt động du lịch ghi nhận sự tăng trưởng mạnh với nhiều hoạt động lễ hội được tổ chức quy mô lớn, thu hút lượng lớn khách du lịch đến tỉnh³⁰. Ngành Du lịch đã đẩy mạnh và làm tốt công tác quảng bá du lịch địa phương³¹ thông qua các nền tảng số với nội dung phong phú, chuyên biệt cho từng thị trường trọng điểm và trên các cơ quan thông tấn, báo chí, phương tiện truyền thông. Tập trung nghiên cứu, phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của ngành Du lịch. Chú trọng phát triển các mô hình du lịch như: Du lịch thích ứng thời tiết, du lịch

²⁶ Một số sản phẩm có sản lượng tăng so với năm 2024: đá xây dựng đạt 2.910.970 m³, tăng 4,4%; cao lanh đạt 118.871 tấn, tăng 43,3%; thủy hải sản chế biến các loại đạt 40.443 tấn, tăng 4,8%; tinh bột sắn đạt 114.663 tấn, tăng 1,4%; áo sơ mi đạt 14.116 nghìn cái, tăng 15,6%; dăm gỗ đạt 893.286 tấn, tăng 14,0%; ván ép từ gỗ đạt 311.539 m³, tăng 11,4%; viên gỗ đạt 46.391 tấn, tăng 74,9%; Clinker thành phẩm đạt 2.943.308 tấn, tăng 10,6%; thủy điện đạt 889 triệu kWh, tăng 9,9%;...

²⁷ Nhà máy sản xuất và gia công may mặc Pi Vina; Nhà máy điện gió Hải Anh; Nhà máy điện gió Hướng Linh 4, các dự án viên nén gỗ.....

²⁸ Trong đó, ngành khai khoáng giảm 9,5%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,9%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,5%.

²⁹ Quặng ilmenite đạt 12.094 tấn, giảm 43,9%; Quặng titan đạt 26.507 tấn, giảm 38,6%; nước khoáng có ga đạt 1.584 nghìn lít, giảm 11,4%; cao su tổng hợp đạt 1.370 tấn, giảm 19,8%; điện mặt trời đạt 299 triệu kWh, giảm 4,5%.

³⁰ Gồm các chương trình văn hóa lớn, sự kiện Tuần Văn hóa - Du lịch Đồng Hới 2025 và Tuần Du lịch Quảng Bình 2025, các chương trình biểu diễn nghệ thuật, âm nhạc đường phố, lễ hội ẩm thực, triển lãm sinh vật cảnh, đua thuyền truyền thống, bắn pháo hoa nghệ thuật và liên hoan các câu lạc bộ, đội, nhóm nhảy,...

³¹ Tổ chức gian hàng giới thiệu quảng bá du lịch và ẩm thực Quảng Trị tại Hội chợ Mùa thu năm 2025. Tiếp tục thực hiện truyền thông trên các kênh sóng của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), trên các phương tiện của Vietnam Airlines...

sinh thái, du lịch MICE, du lịch nông thôn, du lịch thể thao, du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe,... Nhiều cơ sở kinh doanh du lịch, nhà hàng đã được đầu tư, nâng cấp đạt chuẩn chất lượng phục vụ, góp phần nâng cao hình ảnh du lịch địa phương và tạo ấn tượng tốt đẹp đối với du khách. Tổng lượt khách du lịch cả năm ước đạt 9,6 triệu lượt khách, tăng gần 17% so với cùng kỳ³².

c) Hoạt động vận tải và dịch vụ khác: Hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ vận tải trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đặc biệt sau khi tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam trên địa bàn tỉnh đi vào khai thác. Tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát cả năm ước tăng 13,1% so với cùng kỳ³³. Đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ DN như tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông hàng hoá và tăng cường kết nối vận tải giữa các khu vực; đồng thời bảo đảm điều kiện an toàn các công trình kết cấu hạ tầng giao thông; chỉ đạo khắc phục kịp thời các đoạn đường, cống, tràn, cầu bị hư hỏng, sạt lở do mưa lũ gây ra. Doanh thu các ngành kinh doanh dịch vụ khác ước tăng 16% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu tiêu dùng, vui chơi, giải trí, làm đẹp,... của người dân tăng cao; doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản cũng ghi nhận sự tăng trưởng mạnh³⁴.

Bên cạnh đó, sự bùng nổ của thương mại điện tử làm thay đổi thói quen mua sắm của người tiêu dùng dẫn đến các chợ truyền thống ngày càng vắng khách, khai thác kém hiệu quả. Sức mua ở một số thời điểm có dấu hiệu chậm lại do tác động của chi phí sinh hoạt tăng và tâm lý thắt chặt chi tiêu. Thời tiết diễn biến phức tạp với nhiều đợt mưa, bão, lũ và áp thấp nhiệt đới liên tiếp, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động du lịch của tỉnh. Hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có nhiều sản phẩm du lịch để thu hút khách vào mùa thấp điểm. Một số địa phương vùng trũng bị ngập úng kéo dài, nhiều tuyến đường giao thông bị sạt lở, gây khó khăn cho việc đi lại và lưu thông hàng hóa.

3.4. Tài chính, tín dụng

a) Tài chính: Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu ngân sách trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, từ đầu năm 2025, các cấp, các ngành đã tập trung tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước (NSNN), mở rộng cơ sở thuế, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời các khoản khu phát sinh. Đồng thời, đẩy mạnh chống thất thu, quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử; quyết liệt xử lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế; phấn đấu hoàn thành thu NSNN năm 2025 ở mức cao nhất. Nhờ đó, tổng thu NSNN cả năm ước thực hiện gần 13.400 tỷ đồng, vượt 20% so với dự toán Trung ương giao và 12% so với dự toán địa phương giao, tăng 15% so với cùng kỳ³⁵. UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành chi ngân sách chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế

³² Trong đó: Khách trong nước đạt 9.150.000 lượt khách, tăng 15,8%; khách nước ngoài đạt 450.000 lượt khách, tăng 43% so với cùng kỳ. Doanh thu du lịch ước đạt 11.040 tỷ đồng, tăng 31,7% so với cùng kỳ.

³³ Trong đó: Vận tải hành khách ước tăng 12,7%; vận tải hàng hóa ước tăng 13,6%; dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát ước tăng 9,7%

³⁴ Nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 19,0%, đóng góp tăng 3,0 điểm %; nhóm dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 20,2%, đóng góp tăng 3,2 điểm %; nhóm dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 6,5%, đóng góp tăng 3,3 điểm %; nhóm dịch vụ khác tăng 20,0%, đóng góp tăng 4,8 điểm %

³⁵ Trong đó, thu nội địa ước đạt hơn 10.600 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ; thu XNK ước đạt 2.700 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ.

độ quy định, đặc biệt tập trung chỉ đạo chi ngân sách và quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo kịp thời cho các nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC, triển khai chính quyền địa phương 2 cấp, giải quyết chính sách chế độ do sắp xếp tổ chức bộ máy³⁶ và khắc phục thiệt hại do thiên tai, mưa lũ gây ra. Tổng chi NSNN năm 2025 ước thực hiện gần 36.000 tỷ đồng, đạt 120% dự toán HĐND tỉnh giao.

b) Tín dụng: Các tổ chức tín dụng, chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn³⁷ tiếp tục duy trì ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi, giữ vững ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, thị trường vàng; tập trung triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ sản xuất, tiêu dùng như cho vay nhà ở xã hội, hỗ trợ DN đầu tư hạ tầng, công nghệ số; tín dụng lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.... Dự ước đến 31/12/2025, tổng số vốn huy động của các tổ chức tín dụng đạt 136.090 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm; tổng dư nợ cho vay đạt 168.886 tỷ đồng, tăng 13,5% so với đầu năm. Đã tiếp tục triển khai hiệu quả công tác đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt.

Bên cạnh đó, kết quả thu ngân sách trên địa bàn có một số khoản thu chưa đảm bảo theo tiến độ dự toán³⁸ và giảm so với cùng kỳ³⁹; cơ cấu ngân sách chưa bền vững, các khoản thu từ đất chiếm tỷ trọng lớn; mặt bằng lãi suất dù đã giảm nhưng sức hấp thụ vốn của DN vẫn còn hạn chế, đặc biệt là nhóm các DN vừa và nhỏ.

3.5. Quản lý đầu tư xây dựng

Với việc tích cực tháo gỡ vướng mắc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các chủ đầu tư, nhà đầu tư triển khai thi công các dự án, công trình trên địa bàn, góp phần xây dựng hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng và du lịch, mở ra động lực phát triển mới cho địa phương, đặc biệt là các công trình chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ước tính tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2025 tăng mạnh, ước thực hiện hơn 70.100 tỷ đồng, tăng 21,1% so với năm 2024⁴⁰.

a) Đầu tư từ ngân sách: Các nguồn vốn đầu tư công năm 2025 đã được UBND tỉnh phân bổ chi tiết ngay từ cuối năm 2024, đồng thời tổ chức các Hội nghị, buổi làm việc để tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư nhanh chóng triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn. Sau khi sáp nhập tỉnh, UBND tỉnh đã kịp thời kiện toàn, thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án đầu tư, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh⁴¹ và ban hành

³⁶ (i) trình HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán 2025 cho 78 xã, phường, đặc khu; (ii) cân đối nguồn để cấp bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính, triển khai chính quyền địa phương 2 cấp; (iii) bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí chi trả chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, người lao động trong sắp xếp tổ chức bộ máy, nhất là các trường hợp đã có quyết định nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Đến ngày 10/10/2025, đã hoàn thành chi trả theo quy định cho 2.778 đối tượng có Quyết định nghỉ việc trước ngày 31/8/2025, đạt tỷ lệ 100%; Chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh (Công văn số 1389/UBND-TH ngày 15/10/2025) để thực hiện có hiệu quả, tránh lãng phí. Bàn giao xe ô tô mua sắm mới cho 26 xã miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

³⁷ Trên địa bàn có tổng cộng 67 TCTD, Chi nhánh TCTD gồm 35 quỹ tín dụng nhân dân và 32 ngân hàng

³⁸ Thu thuế BVMT (67%), thu từ ĐTN (99%) và thu khác ngân sách (90%)

³⁹ Thu từ DNNN TW, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền thuê đất, thu phí lệ phí, thu khác ngân sách, thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế.

⁴⁰ Trong đó, vốn đầu tư thực hiện của khu vực nhà nước ước đạt 27.960,3 tỷ đồng, tăng 49,6%; khu vực ngoài nhà nước ước đạt 41.870,8 tỷ đồng, tăng 8,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 268,9 tỷ đồng, giảm 54,6%.

⁴¹ Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 31/7/2025; Thông báo số 1256/TB-VP ngày 13/8/2025.

nhiều văn bản chỉ đạo công tác giải ngân các dự án đầu tư công⁴²; thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm, các nội dung theo Kết luận của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ tại các buổi làm việc với tỉnh. Đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách tỉnh từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án có tiến độ tốt để nâng cao tỷ lệ giải ngân. Đồng thời, đã kịp thời dồn đốc đẩy nhanh tiến độ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trong đó ưu tiên các dự án của cấp huyện, xã trước khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Lũy kế thanh toán vốn đầu tư công đến hết tháng 10 thực hiện hơn 5.200 tỷ đồng⁴³, đạt 41,9% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đến nay và đạt 56,1% so với Kế hoạch giao đầu năm, phấn đấu đến hết năm 2025 đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

b) Đầu tư từ ngoài ngân sách: Năm 2025 đã phê duyệt chủ trương đầu tư 172 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư hơn 113.400 tỷ đồng⁴⁴, tăng gần 4 lần so với năm 2024 với nhiều dự án lớn, nổi bật⁴⁵. Riêng đối với các dự án khu đô thị, nhà ở xã hội, UBND tỉnh đã chấp thuận 11 dự án với tổng vốn đầu tư 51.614 tỷ đồng (trong đó có 03 dự án do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời đề xuất với tổng số vốn 38.326 tỷ đồng); đồng thời, hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục, hồ sơ chủ trương đầu tư các dự án như Khu đô thị Asean Khe Sanh và các khu đô thị khác.

Trong lĩnh vực FDI, ước cả năm 2025 có 7 dự án FDI được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 622,365 triệu USD, tăng gần 6 lần so với năm 2024⁴⁶; có 3 dự án điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư với số vốn tăng thêm là 16,67 triệu USD⁴⁷, 5 trường hợp đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp với tổng vốn khoảng 39,5 triệu USD. Công tác vận động thu hút và tiếp nhận nguồn viện trợ NGO được triển khai tích cực; đã tiếp nhận 46

⁴² Văn bản số 571/UBND-TH ngày 19/8/2025; số 1004/UBND-TH ngày 19/9/2025; số 1300/UBND-TH ngày 08/10/2025, 1731/UBND-TH ngày 04/11/2025; Thông báo số 899/TB-UBND ngày 15/9/2025...

⁴³ Theo báo cáo của KBNN KV XII

⁴⁴ Trong đó: Ngoài KKT, KCN đã cấp 130 dự án với tổng vốn đầu tư 103.972 tỷ đồng; Trong KKT, KCN đã cấp 42 dự án với tổng vốn đầu tư 9.449 tỷ đồng.

⁴⁵ Như: Dự án Nhà máy điện gió Halcom Hồng Đức với tổng mức đầu tư 9.127 tỷ đồng; Dự án Nhà máy điện gió Thái Dương 1 với tổng mức đầu tư 8.440 tỷ đồng; Dự án Nhà máy điện gió Cam Lộ với tổng mức đầu tư 6.500 tỷ đồng; Chuỗi dự án điện gió Nhà máy Điện gió Quảng Trị Win 1, 2, 3 với tổng mức đầu tư 5.056,2 tỷ đồng; Dự án Nhà máy Điện gió Tân Hợp 1 với tổng vốn đầu tư 2.098 tỷ đồng; Dự án Nhà máy Điện gió Phong Liễu mở rộng với tổng vốn đầu tư 1.400 tỷ đồng; Dự án Trạm cắt 500kV Quảng Trị 2 và các đường dây 500kV đầu nối của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) với tổng mức đầu tư 1.300,49 tỷ đồng; Dự án Đường dây 500kV Lao Bảo - Trạm cắt 500kV Quảng Trị 2 của EVN với tổng mức đầu tư 1.258,25 tỷ đồng; Dự án Nhà máy Điện gió Hưng Bắc với tổng mức đầu tư 1.100 tỷ đồng; Dự án Khu dân cư Nam Sông Vĩnh Phước với tổng vốn đầu tư 1.318 tỷ đồng...

⁴⁶ Trong đó, đã phê duyệt 4 dự án với tổng vốn là 196,855 triệu USD (Các dự án Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1 (68,424 triệu USD), Win 2 (62,614 triệu USD) và Win 3 (65,701 triệu USD) của Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo Win Quảng Trị (Việt Nam) và Win International Energy Pte. Ltd. (Singapore); Dự án Công ty TNHH C.Y.P của nhà đầu tư Park Young Chan (Hàn Quốc) có tổng mức đầu tư 0,116 triệu USD); còn 3 dự án đang thực hiện thủ tục cấp chủ trương đầu tư, GCNĐKĐT có TMĐT là 425,51 triệu USD (Dự án Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (280,21 triệu USD); Dự án Nhà máy điện gió Quảng Bình 1 (144 triệu USD); Dự án Nhà máy sản xuất dệt may U-Tex (1,3 triệu USD)).

⁴⁷ Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate của Công ty Cổ phần Hiệp Phú VICO và Dự án SANGSHIN CENTRAL VIỆT NAM của Công ty TNHH Sangshin Central Việt Nam; Dự án Chuỗi cung ứng cà phê sinh thái của Công ty Slow Forest Coffee tại tỉnh Quảng Trị của Forest Plateau PTE.LTD (Công ty TNHH Slow Việt Nam)

dự án với tổng vốn hơn 12 triệu USD⁴⁸. Đã ký kết hiệp định vay mới cho 01 dự án ODA với tổng mức đầu tư 921 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường... vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, mới ban hành và áp dụng nên vẫn còn một số bất cập về thủ tục, trình tự thực hiện các dự án đầu tư công và nhà đầu tư. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công mặc dù đã cao hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu đề ra⁴⁹.

3.6. Công tác đối ngoại

Đã tập trung triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và tham mưu xây dựng, trình ban hành Quyết định số 365-QĐ/TU ngày 05/9/2025 của Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các đoàn làm việc trong ngoài tỉnh⁵⁰. Nhiều hoạt động ngoại giao kinh tế, kết nối DN với các đối tác quốc tế đã được tổ chức tại 2 tỉnh với sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước⁵¹. Mỗi quan hệ giữa tỉnh Quảng Trị và các tỉnh của Lào ngày càng đi vào chiều sâu, phát triển toàn diện⁵². Chú trọng tăng cường quan hệ hợp tác với các địa phương, các tổ chức quốc tế của Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Ấn Độ...⁵³; trong đó, đã phê duyệt Đề án “Hợp tác triển khai Hành lang kinh tế Quảng Trị (Việt Nam) - Salavan (Lào) - Ubon Ratchathani (Thái Lan)”, ký kết 12 thỏa thuận quốc tế và văn bản hợp tác trên các lĩnh vực đầu tư, kinh tế, giáo dục, văn hóa và hỗ trợ nhân đạo⁵⁴. Công tác vận động, quản lý các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại tiếp tục được triển khai tích cực⁵⁵; đã làm việc với

⁴⁸ Tăng 7 dự án và tăng khoảng 250.000 USD so với năm 2024

⁴⁹ Do: (i) Vương mắc về giải phóng mặt bằng; (ii) Khó khăn, vướng mắc trong giải ngân các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; (iii) Các dự án sử dụng nguồn thu tiền đất do nguồn thu thấp nên không có vốn để giải ngân, mặt khác kế hoạch vốn tương đối lớn nên đã tác động đến tỷ lệ giải ngân (iv) Trách nhiệm của chủ đầu tư và năng lực quản lý dự án của các BQLDA, năng lực triển khai dự án của nhà thầu còn nhiều hạn chế; (v) nguồn vốn NSTW bổ sung chiếm tỷ trọng khá lớn và mới được bổ sung nên chưa giải ngân được ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung.

⁵⁰ Toàn tỉnh có 72 đoàn ra (322 lượt người) và 134 đoàn vào (1.277 lượt khách quốc tế). Cho phép tổ chức 45 hội nghị, hội thảo quốc tế, chủ yếu về tập huấn kỹ thuật chuyên sâu trong các lĩnh vực y tế, môi trường, nông nghiệp...

⁵¹ Đón tiếp và làm việc với Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Đại sứ New Zealand tại Việt Nam; các tổ chức quốc tế, DN nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh. Tham gia buổi làm việc với đoàn công tác của tỉnh Yamanashi, Nhật Bản và Công ty Vinacore tại Hà Nội để trao đổi về việc đưa thực tập sinh, kỹ sư, du học sinh sang học tập và làm việc tại Nhật Bản. Tổ chức đoàn công tác của tỉnh tham gia Chương trình Quảng bá địa phương Việt Nam tại Séc, Bỉ và Thụy Sĩ...

⁵² Thực hiện các nội dung thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị và hai tỉnh Savannakhet, Salavan giai đoạn 2023-2025; UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ cho hai tỉnh bạn từ nguồn ngân sách của tỉnh. Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2023-2025 với các tỉnh Savannakhet, Salavan, thảo luận và thống nhất ký kết thỏa thuận hợp tác giai đoạn mới (dự kiến 2026-2030). Tổ chức đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch hợp tác giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Ủy ban chính quyền tỉnh Champasak, Lào, giai đoạn 2024 - 2026. Tổ chức ký kết Thỏa thuận với Ủy ban Chính quyền tỉnh Khammouan về việc thực hiện dự án xây dựng Trường Phổ thông dân tộc tại tỉnh Khammouan do Chính phủ Việt Nam tài trợ cho Chính phủ Lào. UBND tỉnh phê duyệt kết quả nghiên cứu Đề án "Tăng cường, mở rộng hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh thuộc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, giai đoạn 2025-2030".

⁵³ Chuẩn bị tổ chức Chương trình Bạn bè Thái Bình Dương 2025 (PF25); xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch chương trình; làm việc với các cơ quan chức năng và đối tác Hoa Kỳ về các hoạt động liên quan lĩnh vực y tế trong khuôn khổ Chương trình Bạn bè Thái Bình Dương 2025

⁵⁴ Nổi bật là Bản ghi nhớ hợp tác giữa Sở Ngoại vụ và Hiệp hội Doanh nhân Việt Nam - Hàn Quốc (VKBIA) trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp và logistics; Biên bản ghi nhớ với Hiệp hội Doanh nhân Việt - Trung (VCBC) nhằm thúc đẩy xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch biên giới

⁵⁵ Trên địa bàn tỉnh hiện có 29 tổ chức PCPN và 11 tổ chức quốc tế hoạt động thường xuyên

Đại sứ quán Hoa Kỳ và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn Mỹ tạm dừng viện trợ 90 ngày, đến nay các dự án đã được khôi phục hoạt động bình thường. Công tác biên giới được triển khai đồng bộ, duy trì cơ chế gặp gỡ, trao đổi thường niên giữa lãnh đạo tỉnh Quảng Trị và các tỉnh biên giới Savannakhet, Salavan, Khammouan của Lào; tổng kết giai đoạn hợp tác 2023 - 2025, chuẩn bị ký kết chương trình hợp tác 2026 - 2030.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực đối ngoại còn mỏng, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng hợp tác quốc tế chưa đồng đều; nguồn lực phục vụ công tác đối ngoại còn hạn chế.

3.7. Phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế

a) Phát triển kinh tế tư nhân, cải thiện môi trường kinh doanh: Đã khẩn trương chỉ đạo xây dựng và ban hành: Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 15/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị và Kế hoạch hành động số 537/KH-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1407/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh về việc nâng cao chỉ số PCI Quảng Trị năm 2025 và các năm tiếp theo, theo đó đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ giải pháp về môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong năm 2025.

Công tác rà soát, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án, hướng dẫn các thủ tục về chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của tỉnh tiếp tục được chú trọng⁵⁶; đã hỗ trợ Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời (SunGroup) nghiên cứu, triển khai các dự án đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, hướng tới các sản phẩm đẳng cấp quốc tế; làm việc với nhiều nhà đầu tư tiềm năng đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh⁵⁷; đồng thời giám sát và quyết liệt xử lý các dự án chậm tiến độ⁵⁸. Các hoạt động xúc tiến đầu tư được tỉnh quan tâm và triển khai nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh⁵⁹; nổi bật là các Chương trình Quảng bá địa phương tại Hàn Quốc và Trung Quốc về xúc tiến du lịch và đầu tư.

⁵⁶ Đã tích cực hỗ trợ Công ty cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy (MTIP) đẩy nhanh tiến độ thi công dự án đầu tư xây dựng Khu bến cảng Mỹ Thủy; hỗ trợ QTIP đẩy nhanh tiến độ thi công dự án Khu công nghiệp Quảng Trị; hỗ trợ Tổ hợp nhà đầu tư: Công ty cổ phần Tập đoàn T&T, Công ty cổ phần Năng lượng Hanwha, Tổng công ty điện lực Nam Hàn Quốc, Tổng công ty khí Hàn Quốc đẩy nhanh tiến độ thi công dự án LNG Hải Lăng giai đoạn 1; hỗ trợ Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) đẩy nhanh tiến độ để kịp khởi công dự án thành phần Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Đồng Hới trong tháng 4/2025; thường xuyên hỗ trợ Công ty TNHH Nam Tiến đẩy nhanh tiến độ để kịp khởi công dự án Hệ thống băng tải chuyên than từ Lào về Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế La Lay.

⁵⁷ Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Năng lượng sạch Việt Nam, Tập đoàn giấy và bột giấy Xiamen C&D Trung Quốc; Công ty Chân Trời Mới; Tập đoàn Vsip...

⁵⁸ 10 tháng đầu năm, đã chấm dứt hoạt động 99 dự án chậm tiến độ. Đến nay, trên địa bàn tỉnh (ngoài KKT, KCN) có 59 dự án chậm tiến độ chưa được giao đất, cho thuê đất

⁵⁹ tỉnh Quảng Trị (cũ) gặp gỡ DN, con em Quảng Trị tại Tp Hồ Chí Minh; Tham dự tổ chức các sự kiện tại “Diễn đàn xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch thúc đẩy phát triển Hành lang Kinh tế Đông Tây năm 2025” và “Hội chợ Thương mại, Đầu tư, Du lịch Việt Nam - Lào - Thái Lan năm 2025” tại tỉnh Sekong, nước CHDCND Lào. Tiếp cận, hỗ trợ các nhà đầu tư tiềm năng nghiên cứu, thực hiện dự án tại tỉnh như: Công ty ENI Việt Nam (Italia), Công ty cổ phần Tập đoàn T&T, Công ty Cổ phần Wafer Vietnam, Tập đoàn Gazprom International, Công ty TNHH Phát triển DRP (Hàn Quốc)... Phối hợp với Viện chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Đề án thành lập Khu kinh tế biên giới chung Lao Bảo (Quảng Trị, Việt Nam) – Densavanh (Savannakhet, Lào)...; tỉnh Quảng Bình: Tổ chức đoàn công tác quảng bá du lịch và xúc tiến đầu tư tại Thái Lan; tổ chức hội nghị gặp mặt Quý I/2025 với các DN, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh...

b) *Về công tác đăng ký kinh doanh*: Trong năm 2025, dự kiến cấp đăng ký thành lập mới giấy chứng nhận đăng ký DN cho 1.250 DN với số vốn đăng ký hơn 13.000 tỷ đồng (tăng 42,2% về số lượng DN và 32,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ)⁶⁰. Đến hết năm 2025, tổng số DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh ước đạt hơn 10.000 DN.

c) *Về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN)*: Đã tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện công tác sắp xếp, đổi mới DNNN; hướng dẫn triển khai các trình tự, thủ tục để chuyển nhượng vốn nhà nước đối với 04 DN thực hiện thoái vốn giai đoạn 2024-2025⁶¹. Thực hiện thủ tục để chuyển đổi Trung tâm Đào tạo sát hạch lái xe Quảng Trị thành công ty cổ phần.

d) *Kinh tế hợp tác* được củng cố về tổ chức, nâng cao năng lực nội tại, tích lũy đầu tư phát triển, nhiều mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả và ngày càng được nhân rộng. Trong năm 2025 đã thành lập mới 01 liên hiệp HTX trong lĩnh vực nông nghiệp⁶²; hoàn thành chuyển đổi cơ quan quản lý đối với Quỹ hỗ trợ phát triển HTX sau sáp nhập. Dự ước đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 04 Liên hiệp HTX, 910 HTX hoạt động, 35 Quỹ tín dụng nhân dân đóng vai trò hỗ trợ thành viên để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, tạo việc làm tại chỗ, góp phần phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn, OCOP phục vụ xây dựng NTM.

Mặc dù vậy, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các DN, thành phần kinh tế còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh thị trường tiêu thụ thu hẹp, người dân thất chặt chi tiêu; tổng số DN giải thể và DN tạm ngừng gần tương đương số DN thành lập mới; sau sắp xếp ĐVHC, việc liên thông giữa hệ thống thuế và hệ thống đăng ký kinh doanh tại một số thời điểm chưa được thuận lợi; số HTX tham gia liên kết, mở rộng ngành nghề còn ít; sản phẩm OCOP đa dạng nhưng quy mô nhỏ, chưa đáp ứng yêu cầu thị trường và xuất khẩu.

4. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

4.1. Tài nguyên và môi trường

Lĩnh vực đất đai tiếp tục được tập trung chỉ đạo; trong năm 2025 đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất 2025 cấp huyện; khẩn trương triển khai thi hành các quy định về phân định, phân quyền, phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất, tiền sử

⁶⁰ Có 1.200 DN tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, 480 DN hoạt động trở lại. So với năm 2024: 1.044 DN tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, 414 DN hoạt động trở lại.

⁶¹ gồm: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình (tỷ lệ thoái vốn là 16%, tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn là 65,49%); Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Quảng Bình (tỷ lệ thoái vốn là 14%, tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn là 0%); Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt (tỷ lệ thoái vốn là 96,96%, tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn là 0%); Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị (tỷ lệ thoái vốn là 22,62%, tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn là 0%)

⁶² Đến 31/10/2025, toàn tỉnh có 2.553 tổ hợp tác nông, lâm nghiệp và thủy sản; 898. Tổng số thành viên: 226.336 người. Tổng số lao động 8.065 người. Doanh thu bình quân của HTX, liên hiệp HTX ước đạt 1,2 tỷ đồng/năm. Lãi bình quân HTX, liên hiệp HTX ước đạt 125 triệu đồng/HTX, liên hiệp HTX /năm, đạt mục tiêu kế hoạch năm 2025. Doanh thu bình quân của HTX, liên hiệp HTX ước đạt 1,2 tỷ đồng/năm; lãi bình quân HTX, liên hiệp HTX ước đạt 125 triệu đồng/HTX, liên hiệp HTX /năm, đạt mục tiêu kế hoạch năm 2025. 04 liên hiệp hợp tác xã thuộc lĩnh vực nông nghiệp, tổng số vốn điều lệ là 6,46 tỷ đồng; 21 thành viên; 51 lao động.

dụng đất của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; hoàn thành công tác điều tra, đánh giá đất, cải tạo đất giai đoạn 2026-2030 và công tác xây dựng Bảng giá đất. Tập trung giải quyết các vướng mắc về giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của tỉnh. Công tác quản lý, đo đạc và kiểm kê đất đai được triển khai đồng bộ, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Đã hoàn thành kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã, cấp tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; đồng thời thực hiện Kế hoạch 90 ngày làm sạch, làm giàu dữ liệu đất đai; hoàn thành xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

Lĩnh vực môi trường, biển, đảo đã được quan tâm đẩy mạnh⁶³; chú trọng bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải tập trung, ban hành các văn bản QPPL⁶⁴ và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, ứng phó sự cố chất thải⁶⁵. Tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc môi trường năm 2025, tăng cường quản lý, vận hành và kiểm soát dữ liệu quan trắc tự động⁶⁶, tham mưu giải pháp kiểm soát ô nhiễm nước tại các lưu vực sông.

Lĩnh vực khoáng sản được tăng cường kiểm soát chặt chẽ⁶⁷; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh⁶⁸; chỉ đạo tăng cường quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; đánh sập các hầm khai thác vàng trái phép; chấn chỉnh hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và ngăn chặn hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép.

4.2. Công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh chịu ảnh hưởng bởi nhiều hình thái thời tiết cực đoan; nhiều vụ thiên tai xảy ra như áp thấp nhiệt đới gây mưa lụt trên diện rộng, mưa giông, lốc sét, bão và hoàn lưu bão, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống nhân dân⁶⁹. Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai đã được triển khai quyết liệt, chủ động, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hệ thống công trình thủy lợi được vận hành linh hoạt, cơ bản bảo đảm tưới tiêu phục vụ sản xuất. Công tác kiểm tra, đánh giá an toàn hồ chứa được triển khai đồng bộ, kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ mất an toàn công trình, tập trung đôn đốc các địa phương hoàn thành sửa chữa, củng cố công trình trước mùa mưa bão. Đã khẩn trương rà soát, cập nhật phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; khắc phục

⁶³ Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 52 dự án đầu tư; cấp Giấy phép môi trường cho 106 dự án/cơ sở.

⁶⁴ QĐ về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; QĐ Ban hành Quy định về quản lý chất thải. QĐ quy định về tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại và dự thảo QĐ Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

⁶⁵ Cụ thể: Dự án nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn thích ứng biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh; Khu liên hợp xử lý chất thải và Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tỉnh Quảng Trị; thí điểm xử lý nước thải tại Cụm CN Hải Thượng (Hải Lăng) và Cụm CN Cửa Tùng (Vĩnh Linh); cùng phối hợp triển khai phương án đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho các khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030.

⁶⁶ Theo dõi, giám sát vận hành hệ thống quan trắc tự động tại 07 cơ sở quan trắc nước thải và 04 cơ sở quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền cơ sở dữ liệu quan trắc để theo dõi, giám sát theo đúng quy định.

⁶⁷ Từ đầu năm 2025 đến nay, đã cấp 03 giấy phép thăm dò; 04 QĐ phê duyệt trữ lượng; 16 giấy phép khai thác khoáng sản; 01 quyết định đóng cửa mỏ; 37 bản xác nhận khối lượng khoáng sản thu hồi từ các dự án, hoạt động nạo vét; 07 giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản; 01 bản xác nhận gia hạn thu hồi khoáng sản

⁶⁸ 08 khu vực mỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và 20 điểm mỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cũ

⁶⁹ Toàn tỉnh có 13 người chết, 07 người mất tích và 31 người bị thương; 12 ngôi nhà bị sập, 5.194 ngôi nhà bị hư hỏng, tốc mái cùng nhiều thiệt hại về sản xuất và cơ sở hạ tầng. Tổng giá trị thiệt hại ước tính hơn 2.000 tỷ đồng

nhanh hậu quả bão lũ, sạt lở đất, bảo vệ hạ tầng sản xuất, dân sinh. Đồng thời, triển khai điều chỉnh và cập nhật Đề án ứng phó sạt lở bờ sông, bờ biển thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035; cập nhật Đánh giá khí hậu và Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn 2050; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, phát triển mạng lưới trạm chuyên dùng và nghiên cứu khả năng lưu trữ các-bon của thảm cỏ biển tỉnh Quảng Trị....

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quy hoạch, định giá đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm; cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai chưa kịp thời; vi phạm đất đai, khiếu nại, tranh chấp vẫn phức tạp. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng còn bất cập. Khai thác khoáng sản trái phép còn diễn ra. Quản lý môi trường ở một số địa phương chưa thường xuyên; phân loại rác tại nguồn hiệu quả thấp. Tỷ lệ KCN có công trình xử lý nước thải tập trung còn thấp⁷⁰.

5. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

5.1. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng, chống dịch bệnh trong năm tiếp tục được thực hiện hiệu quả; hoạt động khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được duy trì tốt. Ngành Y tế đã triển khai hiệu quả Đề án 06, bệnh án điện tử, sổ sức khỏe điện tử trên VneID; đến nay, 17,3% người dân trên địa bàn tỉnh đã có Sổ sức khỏe điện tử; 100% bệnh viện (31/31 đơn vị) đã triển khai hệ thống bệnh án điện tử, góp phần chuẩn hóa quy trình chuyên môn, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, giảm thủ tục hành chính và nâng cao mức độ hài lòng của người dân. Duy trì hoạt động các chương trình y tế - dân số; triển khai hiệu quả nhiều biện pháp đảm bảo phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp lễ, tết, mùa cao điểm du lịch, mùa nắng nóng⁷¹. Hầu hết các bệnh truyền nhiễm giảm mạnh so với cùng kỳ (trong đó, sốt xuất huyết giảm 70% so với năm trước); riêng các bệnh cúm, tay chân miệng, quai bị có xu hướng tăng nhẹ, song đều được phát hiện và xử lý kịp thời. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang cấp thiết bị cho các đơn vị; phát triển nguồn nhân lực; nâng cao quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế, trong đó chú trọng đánh giá, duy trì thực hành tốt tại các cơ sở bán lẻ và cơ sở phân phối thuốc; đồng thời hướng dẫn việc niêm yết và quản lý giá bán thuốc tại các cơ sở bán lẻ trong khuôn viên cơ sở khám, chữa bệnh, đảm bảo tính minh bạch, công khai và quyền lợi của người bệnh.

Bên cạnh đó, một số đơn vị sự nghiệp y tế công lập gặp khó khăn về tài chính do nguồn thu giảm, giá dịch vụ y tế chưa tính đúng, tính đủ; ảnh hưởng đến khả năng tự chủ, chi trả thu nhập và duy trì nhân lực; việc tăng cường bác sĩ cho tuyến xã, thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn cao còn gặp một số khó khăn do thiếu hụt nhân lực, biên chế và định mức lao động, chính sách hỗ trợ ...

⁷⁰ Hiện nay mới chỉ có Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN cảng Biển Hòn La và Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN Quán Ngang.

⁷¹ Tính đến ngày 15/10/2025, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 77 người mắc, không có trường hợp tử vong.

5.2. Giáo dục và Đào tạo

Năm học 2024-2025 là năm học đầu tiên thực hiện đồng bộ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp ở các cấp học; do đó, toàn ngành giáo dục đã tập trung nhiều hoạt động nhằm đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, hoàn thành chương trình năm học đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh THPT năm học 2024 - 2025 cấp quốc gia và quốc tế tiếp tục đạt kết quả cao⁷². Năm học 2025 - 2026 là năm học đầu tiên sau khi hợp nhất hai tỉnh⁷³, với địa bàn rộng, đội ngũ đông đảo và nhiều thách thức mới, ngành đã chú trọng khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; thực hiện hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày tại các cơ sở giáo dục phổ thông có đủ điều kiện theo quy định; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện thí điểm chương trình giáo dục mầm non mới; tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh giáo dục STEM, giáo dục số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, hướng tới mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai. Đến hết năm 2025, toàn tỉnh dự kiến có 595/890 trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 66,9%⁷⁴.

Quy mô giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tăng, chất lượng đào tạo chuyên biến rõ rệt⁷⁵. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp duy trì, đẩy mạnh gắn kết với DN để nâng cao chất lượng đào tạo, tăng nguồn lực đầu tư, tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn sản xuất; tiếp tục chú trọng triển khai nhiều hoạt động bồi dưỡng, hợp tác, liên kết, mở rộng các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội⁷⁶.

Bên cạnh đó, quy mô trường lớp mặc dù đã được tổ chức, sắp xếp lại tuy nhiên ở nhiều địa phương vẫn còn manh mún, tồn tại nhiều điểm trường, khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục; biên chế sự nghiệp giáo dục thiếu hụt, được giao thấp hơn 13,7% so với định mức, bên cạnh đó phải tiếp tục tinh giản cơ học theo lộ trình giảm 10%, tác động trực tiếp đến chất lượng dạy và học, nhất là việc triển khai dạy học 02 buổi/ngày, đặc biệt gây quá tải ở cấp mầm non và tiểu học. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động kém hiệu quả, quy mô tuyển sinh thấp.

5.3. Văn hoá, thể thao và thông tin, tuyên truyền

Hoạt động văn hoá, thể thao, tuyên truyền đã bám sát các nhiệm vụ chính trị, phục vụ hiệu quả các sự kiện lớn của đất nước và của tỉnh. Xuyên suốt năm 2025,

⁷² Học sinh toàn tỉnh đạt 115 giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, tăng 24 giải so với năm học 2023 - 2024. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 được tổ chức thành công, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98,89%, điểm trung bình bài thi xếp thứ 13/34 toàn quốc; đạt PCGD trẻ MN 5 tuổi; đạt PCGD TH mức độ 3, PCGD THCS mức độ 1 (Bắc Quảng Trị mức độ 3; Nam Quảng Trị mức độ 1); XMC mức độ 2

⁷³ Năm học 2025 - 2026, toàn tỉnh có 930 trường mầm non và phổ thông với 425.295 học sinh, trong đó cấp mầm non có 88.900 học sinh, cấp tiểu học 156.572 học sinh, cấp THCS có 122.096 và cấp THPT có 57.727 học sinh; ngoài ra có 6.051 học viên học chương trình GDTX

⁷⁴ Trong đó, mầm non có 211/310 trường, tỷ lệ 68%; Tiểu học có 148/232 trường, tỷ lệ 63,8%; THCS có 194/288 trường, tỷ lệ 67,4%; THPT có 42/60 trường, tỷ lệ 70%.

⁷⁵ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh hiện có 02 trung tâm giáo dục thường xuyên, 16 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 6 trường trung cấp, 6 trường cao đẳng, 1 trường đại học cùng hàng trăm trung tâm ngoại ngữ, tin học và trung tâm học tập cộng đồng

⁷⁶ Năm học 2025 - 2026, Trường Đại học Quảng Bình tuyển sinh 710 chỉ tiêu

hiều hoạt động, sự kiện văn hóa quy mô lớn được tổ chức thành công⁷⁷, đặc biệt là các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9, kết hợp với hiệu ứng lan tỏa của bộ phim “Mưa đỏ” được quay tại thành cổ Quảng Trị, cùng với công tác thông tin, tuyên truyền hiệu quả trong quá trình hợp nhất hai tỉnh, Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 đã góp phần kích cầu du lịch, quảng bá hình ảnh Quảng Trị mới năng động, thân thiện, giàu bản sắc; đồng thời góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Công tác truyền thông các chủ trương, chính sách được chú trọng, trong quá trình sắp xếp ĐHV và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đồng thời tổ chức thực hiện các kế hoạch truyền thông về du lịch, các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Đã triển khai hợp nhất Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị đảm bảo công tác thông tin, tuyên truyền hiệu quả, kịp thời.

Phong trào thể dục thể thao (TDTT) quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển sâu rộng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng và điều kiện cơ sở⁷⁸. Nhiều giải thể thao quần chúng được tổ chức thành công⁷⁹; đặc biệt là Giải Karate trong khuôn khổ Đại hội TDTT tỉnh lần thứ I năm 2025. Công tác tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp được triển khai đúng theo hướng dẫn và tiến độ. Thể thao thành tích cao tiếp tục được quan tâm đầu tư, đạt nhiều kết quả tích cực, khẳng định vị thế của thể thao Quảng Trị trên đấu trường quốc gia và quốc tế⁸⁰; các đội tuyển thể thao thành tích cao tỉnh đã tham gia thi đấu các giải, đạt được tổng số 303 huy chương các loại⁸¹.

Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hoá, thể thao và gia đình còn hạn chế; huy động xã hội hoá còn nhiều khó khăn. Chủ trương về lộ trình sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố cũng tác động đến quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

5.4. Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Trong năm 2025, đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công

⁷⁷ Như: Lễ hội “Thống nhất non sông” năm 2025; chương trình cầu truyền hình trực tiếp “Khúc ca khải hoàn” do Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp tổ chức tại Di tích Quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; chương trình nghệ thuật “Quảng Trị - Hội tụ và Tỏa sáng” tại hai điểm cầu Đồng Hới và Đồng Hà thu hút hơn 35 nghìn người xem trực tiếp; gian trưng bày của tỉnh Quảng Trị tại Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội kỷ niệm 80 năm Quốc khánh tại Hà Nội đón hơn 112.000 lượt khách tham quan, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và Ban Tổ chức Triển lãm trao giải thưởng “Không gian trưng bày tiêu biểu”...

⁷⁸ Tính đến ngày 15/11/2025: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên đạt 38,2%; Tỷ lệ gia đình thể thao đạt 29,5% tổng số hộ dân; Có 1830 câu lạc bộ và trên 4000 điểm tập TDTT

⁷⁹ như: Giải Cầu lông, Bóng bàn gia đình tỉnh Quảng Bình lần thứ IV năm 2025; Giải Marathon khám phá Quảng Bình “Quang Bình Discovery Marathon” lần thứ V năm 2025; Giải Cầu lông vô địch các nhóm tuổi tỉnh Quảng Trị mở rộng năm 2025; Giải vô địch Pickleball và Cầu lông các Câu lạc bộ tỉnh Quảng Bình mở rộng năm 2025; Giải chạy “Quang Trị International Marathon 2025” và giải thể thao hai môn phối hợp bơi - chạy “Aqua Warriors Quang Trị 2025”; Giải vô địch môn Đua thuyền truyền thống trong khuôn khổ Lễ hội “Thống nhất non sông” và Lễ hội Đua, bơi truyền thống trên sông Kiến Giang năm 2025

⁸⁰ Tiêu biểu là Vận động viên Nguyễn Huy Hoàng đã giành được 02 HCV nội dung 800m tự do và 1500m, 01 HCB nội dung 400m tự do nam tại Giải vô địch Thể thao dưới nước châu Á năm 2025.

⁸¹ Tính đến ngày 15/11/2025: Tham gia thi đấu 60 giải, đạt 303 huy chương, gồm (71 HCV, 80 HCB, 152 HCBĐ). Trong đó: có 53 giải quốc gia đạt 291 huy chương, gồm (63 HCV, 76 HCB, 152 HCBĐ) và 07 giải quốc tế đạt 12 huy chương, gồm (08 HCV, 04 HCB).

nghe, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST & CDS về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị⁸²; triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”⁸³, hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06⁸⁴. Đã quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ các DN viễn thông tăng cường đầu tư hạ tầng viễn thông, mở rộng vùng phủ sóng 5G, đầu tư xây dựng trạm BTS,... góp phần xóa vùng trắng sóng di động tại các khu vực đặc biệt khó khăn⁸⁵. Tập trung triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu dùng chung đảm bảo các hệ thống không bị gián đoạn trong quá trình sát nhập. Hệ thống Hội nghị trực tuyến đã triển khai kết nối thông suốt đến 78/78 đơn vị Đảng ủy và chính quyền cấp xã. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia⁸⁶. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) hoạt động thông suốt, bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Trung ương.

Công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất được chú trọng⁸⁷; kịp thời tổ chức chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, DN để tiến hành sản xuất, thương mại hóa. Nhiều đề tài nghiên cứu đã trực tiếp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất chuyên canh gắn với chế biến và tiêu thụ; ứng dụng công nghệ sinh học chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi phù hợp khí hậu và thổ nhưỡng; phát triển công nghệ chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng cho nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh các

⁸² Đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025; UBND tỉnh đã ban hành: Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/08/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU trên địa bàn Quảng Trị; Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 27/8/2025 về triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 1334/KH-UBND ngày 10/10/2025 về Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2026; Kế hoạch số 1484/KH-UBND ngày 21/10/2025 Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo phương thức đối tác công tư (PPP),...

⁸³ Đã tổ chức 02 lớp đào tạo nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản sử dụng AI, ChatGPT cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên thanh niên, DN, hợp tác xã; tổ chức 12 lớp tập huấn, tư vấn công tác ứng dụng chuyển đổi số cho nhóm cộng đồng tại địa phương và DN trên địa bàn tỉnh; tổ chức 20 lớp tập huấn triển khai ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung, với hơn 9.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn

⁸⁴ Tính đến ngày 20/10/2025, trên địa bàn toàn tỉnh có 1.086 Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 được thành lập với 8.130 thành viên hoạt động có hiệu quả

⁸⁵ Hiện nay, tổng số thuê bao điện thoại trên địa bàn tỉnh là 1.648.005 thuê bao, đạt mật độ 104,9 thuê bao/100 dân, trong đó: 17.429 thuê bao điện thoại cố định và 1.630.576 thuê bao di động. Tổng số thuê bao Internet cố định bằng rộng là 368.462 thuê bao, đạt mật độ 23,4 thuê bao/100 dân. Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 5.021 trạm (1.891 trạm 3G, 3.042 trạm 4G; 137 trạm 5G)

⁸⁶ Đến nay, toàn tỉnh có 830 DVCTT toàn trình, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 72,08 %; kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến đạt tỷ lệ đúng hạn 98,75 %; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 91,02 %; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 92,62 %

⁸⁷ Đã tổ chức triển khai 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 dự án thuộc Chương trình sở hữu trí tuệ, 97 đề tài/dự án cấp tỉnh và 18 nhiệm vụ cấp cơ sở. Đến nay, có hơn 200 bài báo khoa học ứng dụng liên quan hoạt động nghiên cứu KHCN và ĐMST (trong đó có hơn 16 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)). Tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn đạt trên 50%, nhiều sản phẩm đã được DN tiếp nhận và thương mại hóa hiệu quả

hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ⁸⁸, tiêu chuẩn đo lường⁸⁹, sở hữu trí tuệ⁹⁰, hỗ trợ DN ứng dụng, đổi mới công nghệ⁹¹...góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư.

Bên cạnh đó, đội ngũ nhân lực chuyên trách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kỹ năng ứng dụng công nghệ số của người dân, DN, HTX, hộ kinh doanh còn hạn chế; thị trường dịch vụ số tại tỉnh chưa phát triển mạnh. Các tổ chức khoa học và công nghệ trong tỉnh hoạt động quy mô nhỏ; việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh còn hạn chế; chưa tạo được đột phá về năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, đặc thù.

5.5. Lao động, việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội

Công tác hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh, đưa người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng tiếp tục được triển khai tích cực⁹²; dự ước cả năm 2025 giải quyết việc làm cho khoảng 35.000 lao động, trong đó có hơn 11.000 lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đến hết năm 2025, lao động có việc làm ước đạt 754.780 người, chiếm 97,58% lực lượng lao động của tỉnh và tăng 0,12% so với năm trước. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp xu thế phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn hợp nhất, khi các ngành thương mại, du lịch và dịch vụ phát triển mạnh, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng tăng nhẹ giữa năm do tác động của việc di chuyển trung tâm hành chính và thay đổi cơ cấu tiêu dùng tại khu vực thành thị, nhưng nhìn chung cả năm vẫn cơ bản ổn định.

Trong năm 2025, chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, hỗ trợ nhà ở đã được chỉ đạo, triển khai quyết liệt, hoàn thành 100% kế hoạch của năm⁹³. Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 ước 7,14%, giảm 1,43% so với năm 2024; trong đó tỷ lệ hộ nghèo đến hết năm 2025 còn 3,45%, giảm 1,01% so với năm 2024 (tương ứng giảm 4.368 hộ)⁹⁴. Đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước đối với gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người có công với cách

⁸⁸ Đã cấp Giấy chứng nhận DN KH&CN cho 02 DN; cấp/bổ sung giấy chứng nhận hoạt động KH&CN cho 04 đơn vị, nâng số DN KH&CN của tỉnh lên 10 DN và số tổ chức KH&CN lên 25 tổ chức

⁸⁹ Tổ chức 05 lớp tập huấn về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tổ chức 07 đoàn kiểm tra nhà nước; thực hiện công tác kiểm định và hiệu chuẩn được 14.625 phương tiện đo, thử nghiệm 12.198 mẫu, quan trắc môi trường 158 lượt cơ sở

⁹⁰ Hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, giải pháp hữu ích cho trên 80 lượt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Toàn tỉnh có 02 chỉ dẫn địa lý, 88 nhãn hiệu tập thể và chứng nhận được bảo hộ sở hữu trí tuệ

⁹¹ hỗ trợ 46 tổ chức, cá nhân về ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN, sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ với tổng kinh phí gần 3 tỷ đồng

⁹² Dự ước cả năm có khoảng 424 người lao động được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ ngân sách địa phương với tổng kinh phí 2,347 tỷ đồng. Tính đến 04/11/2025, có trên 20.000 lượt lao động được hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm, doanh số cho vay đạt trên 2.311 tỷ đồng. Đã tổ chức 80 phiên giao dịch việc làm, thu hút 372 lượt DN tham gia tuyển dụng, 43.843 lượt lao động được tư vấn về thông tin thị trường lao động và các chính sách pháp luật về lao động - việc làm, 5.149 lượt lao động được giới thiệu, cung ứng việc làm

⁹³ (1) Xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: 5.437 căn; (2) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ: 4.905 căn; (3) Xóa nhà tạm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng đồng bào DTTS&MN: 3.095 căn

⁹⁴ Tỷ lệ hộ cận nghèo đến hết năm 2025 là 3,69%, giảm 0,42% so với năm 2024

mạng⁹⁵; thực hiện tốt các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đối với người có công⁹⁶.

Bên cạnh đó, một số địa phương tại khu vực Nam Quảng Trị phải đối mặt với những khó khăn không nhỏ do ảnh hưởng từ việc di dời trung tâm hành chính, khiến một số ngành nghề giảm quy mô lao động và tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ.

5.6. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tình hình đời sống đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Việc thực hiện các chính sách dân tộc, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên tuyến biên giới và nội địa vùng dân tộc thiểu số được quan tâm chỉ đạo; không xảy ra vụ việc và những vấn đề liên quan khác đến thực hiện chính sách và công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Các hoạt động tôn giáo được tổ chức theo đúng nội dung, chương trình đăng ký. Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, tạo điều kiện các tổ chức tôn giáo thực hành các lễ truyền thống của tôn giáo; thường xuyên nắm tình hình, tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đặc biệt trong quá trình sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã; tiếp xúc, gặp gỡ với các tổ chức tôn giáo, đại diện các cơ sở thờ tự để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, tạo sự thông suốt trong quá trình hoạt động, đảm bảo an ninh trật tự, không phát sinh vấn đề phức tạp.

6. Tình hình nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính, cải cách tư pháp

6.1. Công tác nội vụ

Đã tập trung triển khai quyết liệt, kịp thời các Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thực hiện sắp xếp các cơ quan, tổ chức hành chính và ĐVSNCL đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương⁹⁷; hiện nay đang tiếp tục dự kiến phương án sắp xếp các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh. Kịp thời thực hiện công tác biên chế cán bộ, công chức phục vụ vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp⁹⁸ và giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người

⁹⁵ Đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) có 34.825 đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, với tổng số tiền chi trả 105.151 triệu đồng/tháng. Trong năm 2025, đã tiếp nhận và giải quyết chế độ, chính sách đối với hơn 5.500 hồ sơ người có công với cách mạng; trả lời 145 lượt đơn thư của công dân liên quan đến chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

⁹⁶ Trên 98% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần, có mức sống từ trung bình trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ, toàn tỉnh đã tổ chức trao tặng 99.378 suất quà đối với người có công và thân nhân người có công, kinh phí quà tặng là 26.990,9 triệu đồng. dịp kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam (30/4/1975-30/4/2025), đã trao 49.325 suất quà với số tiền 24.916,5 triệu đồng. dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025) đã tổ chức trao tặng 47.633 suất quà với số tiền 14.459 triệu đồng từ quà tặng của Chủ tịch nước; trích từ nguồn đảm bảo xã hội tỉnh để cấp kinh phí cho các xã, phường chi trả quà của tỉnh cho 49.166 đối tượng người có công với tổng kinh phí 15.138 triệu đồng; đưa 180 đối tượng Người có công, người dân tộc, chức sắc tôn giáo dự Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam tại Hà Nội... 10 tháng đầu năm 2025, đã tổ chức tiếp nhận, làm Lễ truy điệu, an táng 152 hài cốt liệt sĩ

⁹⁷ Qua sắp xếp đã giảm 15 cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh; 116 tổ chức bên trong cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tổ chức hành chính khác; 175 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; 06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; 100 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; chuyển nguyên trạng 897 đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện về thuộc UBND cấp xã quản lý theo đúng quy định

⁹⁸ Sau khi sắp xếp đã giảm được 2.521 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức hưởng lương NSNN so với tổng số biên chế của 02 tỉnh trước khi sắp xếp

lao động cấp tỉnh, cấp xã theo quy định⁹⁹. Chú trọng xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; đặc biệt là sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã¹⁰⁰. Công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếp tục được quan tâm; ưu tiên các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai toàn diện¹⁰¹. Tập trung số hóa tài liệu lưu trữ sau khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp¹⁰². Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện kịp thời góp phần khích lệ và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phát triển KT-XH của tỉnh¹⁰³; tổ chức thành công Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Quảng Trị lần thứ I.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số vị trí việc làm đặc thù như y tế, xây dựng, giao thông,.. tại một số ĐVHC cấp xã vẫn chưa đáp ứng nhu cầu công việc, nhưng không có nguồn để điều động, bố trí mà cần phải tuyển dụng mới; tuy nhiên việc tuyển dụng cần có quy trình, thời gian thực hiện theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ. Một số sở, ngành của tỉnh có nhiều đơn vị sự nghiệp cung cấp đa dạng dịch vụ công, nên việc sắp xếp ĐVSNCN thuộc sở, ngành (theo định hướng chỉ duy trì 01 ĐVSNCN thuộc sở) cần nghiên cứu kỹ lưỡng để bảo đảm hoạt động hiệu quả. Việc số hóa tài liệu gặp khó khăn do thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và kinh phí; khối lượng tài liệu cấp huyện tồn đọng đang bảo quản tại kho tạm còn lớn.

6.2. Công tác tư pháp

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế tiếp tục được chú trọng; trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của địa phương sau hợp nhất đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất¹⁰⁴; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

⁹⁹ Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đảm bảo theo đúng quy định, bao gồm: 2.245 trường hợp nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP); 1.823 trường hợp nghỉ việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Giải quyết chế độ chính sách theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP đối với 54 trường hợp; theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị đối với 277 trường hợp

¹⁰⁰ Đến ngày 15/10/2025, đã thực hiện tăng cường, biệt phái, điều động, tuyển dụng đối với 90 trường hợp để bố trí tại ĐVHC cấp xã

¹⁰¹ Sau khi Bộ Nội vụ công bố Chỉ số CCHC của 02 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ), UBND tỉnh ban hành văn bản đề chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ, nhằm cải thiện các chỉ số liên quan CCHC tỉnh. Sau khi sáp nhập tỉnh, UBND tỉnh Quảng Trị (mới) đã kịp thời ban hành Kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm và tổ chức thực hiện. Trường BCĐ đã thành lập Tổ công tác CCHC tỉnh thuộc BCĐ Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 sau khi hợp nhất các BCĐ của 02 tỉnh. Tập trung xây dựng Bộ chỉ số chấm điểm CCHC cấp sở, cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền mới

¹⁰² Đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện số hóa 1.738.217 trang văn bản.

¹⁰³ UBND tỉnh khen thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh cho 420 cá nhân; Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 650 tập thể, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 1.774 tập thể, cá nhân; Cờ Thi đua của UBND tỉnh cho 98 tập thể. Công tác khen cao: Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng cho 87 tập thể, cá nhân; đề nghị truy tặng Danh hiệu anh hùng nhà nước đối với 11 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Huy chương Thanh niên xung phong về vàng cho 58 cá nhân; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 149 tập thể, cá nhân, Cờ Thi đua của Chính phủ cho 27 tập thể

¹⁰⁴ thẩm định 138 dự thảo văn bản QPPL của địa phương, góp ý 219 dự thảo văn bản QPPL của địa phương và Trung ương; giúp UBND tỉnh tự kiểm tra 99 văn bản QPPL. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, cấp xã thực hiện việc rà soát đối với 1.075 văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành của 02 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ) ban hành; rà soát 76 văn bản của địa phương bị tác động bởi 28 Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, 03 văn bản liên quan đến thực hiện TTHC để tham mưu sửa đổi, bổ sung theo hướng tái sử dụng dữ liệu đã số hoá

số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các tổ chức, đơn vị, địa phương sau khi hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Không ngừng đổi mới công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), theo dõi thi hành pháp luật. Các hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được tăng cường, thực hiện có hiệu quả các giải pháp để hỗ trợ các tổ chức hỗ trợ cung cấp các dịch vụ pháp lý cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, góp phần xã hội hóa các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Công tác hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi tiếp tục được thực hiện đúng quy định pháp luật, trong đó, triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06¹⁰⁵.

Tuy nhiên, chất lượng tham mưu dự thảo văn bản của một số sở, ngành còn rất thấp, nhất là các văn bản quy định về phân cấp, uỷ quyền. Nhiều chế độ, chính sách trong văn bản QPPL của 02 tỉnh (trước sắp xếp) ban hành có sự chênh lệch hoặc khác biệt về đối tượng thụ hưởng, định mức..., liên quan đến nguồn lực tài chính nên cần có sự rà soát, cân đối, phân bổ lại ngân sách mới thực hiện được.

6.3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra đã bám sát những vấn đề nổi cộm trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời xử lý kịp thời những chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời kết quả thanh tra, kiểm tra đã đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu về phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và các hành vi tham nhũng, lãng phí¹⁰⁶. Chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân của lãnh đạo tỉnh được nâng lên rõ rệt; các cấp, các ngành đã quan tâm bố trí cán bộ đảm bảo năng lực, trách nhiệm để tiếp, trả lời, hướng dẫn xử lý, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đề xuất¹⁰⁷.

Bên cạnh đó, việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra ở nhiều nơi chưa nghiêm túc, nhất là trong việc thu hồi các khoản tiền sai phạm. Một số nội dung đơn khiếu nại, tố cáo có diễn biến phức tạp nhưng chưa được xem xét, giải quyết kịp thời.

7. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh biên giới năm 2025 tiếp tục được giữ vững, ổn định. Toàn quân duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, đảm bảo an toàn cho các sự kiện chính trị, văn hoá, xã hội quan trọng trên địa bàn, đặc biệt trong quá trình sắp xếp ĐVHC và tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp. Mở

¹⁰⁵ Thực hiện 41.752 việc làm công chứng, chứng thực, tổng số phí thu được 7.096.522.000 đồng, nộp vào ngân sách 1.778.705.000 đồng; đã ký 168 Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, tổ chức 161 phiên đấu giá (có 567 tài sản đấu giá thành) với giá trị tài sản bán được 853.466.761.809 đồng, chênh lệch tăng so với giá khởi điểm là 231.974.822.774 đồng; thực hiện trợ giúp pháp lý 694 vụ việc cho 694 người được trợ giúp pháp lý

¹⁰⁶ Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ: 145, số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang: 39; số cuộc triển khai trong kỳ: 106; Số cuộc theo kế hoạch: 121, số cuộc đột xuất: 24. Qua thanh tra phát hiện sai phạm 10.372,1 triệu đồng; kiến nghị thu hồi về NSNN 6.962,6 triệu đồng, kiến nghị khác 3.409,5 triệu đồng. Xử lý hành chính 23 tổ chức, 86 cá nhân

¹⁰⁷ Các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 5.185 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến, trong đó có 4.438 đơn đủ điều kiện xử lý

rộng các đợt cao điểm tấn công, trấn áp, phòng chống tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ, tội phạm trên không gian mạng, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tín dụng đen...; đấu tranh thành công nhiều chuyên án, vụ án lớn. Thực hiện tốt phòng thủ dân sự; làm tốt công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai; thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng kết hợp với phát triển KTXH đồng bộ, hiệu quả. Hoàn thành công tác giao quân và tiễn tân binh lên đường nhập ngũ theo kế hoạch đề ra. Việc triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2024 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” được đẩy mạnh, đảm bảo đúng lộ trình, tiến độ đề ra. Tăng cường tuyên truyền, tuần tra kiểm soát, bảo đảm trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông¹⁰⁸, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất kích thích khi điều khiển phương tiện giao thông. Đảm bảo an toàn phòng chống cháy, nổ, không xảy ra thiệt hại lớn về người và tài sản¹⁰⁹.

8. Công tác phối hợp chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp

Trên cơ sở chương trình, kế hoạch đề ra từ đầu năm, chính quyền các cấp đã nghiêm túc triển khai thực hiện mục tiêu và các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo những lĩnh vực trọng tâm, các dự án, công trình trọng điểm; trong đó, chú trọng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tăng cường các giải pháp thu NSNN, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; ưu tiên các ngành, lĩnh vực quan trọng, thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh rà soát, điều chỉnh các quy hoạch để phục vụ xúc tiến, thu hút đầu tư; triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển du lịch; khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ... đặc biệt là tập trung thực hiện khối lượng lớn nhiệm vụ quan trọng của cả nhiệm kỳ, các chỉ tiêu cả giai đoạn, nhất là đẩy nhanh tiến độ sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình địa phương hai cấp.

Với những thuận lợi quan trọng như kinh tế vĩ mô ổn định, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ - du lịch tiếp tục tăng trưởng, môi trường đầu tư cải thiện, cùng lợi thế về quy mô mới sau hợp nhất, cùng sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp, thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Chính phủ về phát triển KT-XH, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 8% trong năm 2025. Đồng thời, đã tập trung chỉ đạo, giải quyết tích cực các vấn đề nổi cộm, các đơn thư khiếu nại tố cáo; tiếp tục cải cách TTHC, đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Chính quyền các cấp đã phối hợp tốt với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức đoàn thể các cấp để thực hiện tốt các quy chế, cơ chế phối hợp; huy động sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, các cấp, ngành, địa phương, Nhân dân, cộng đồng DN nỗ lực vào cuộc, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp

¹⁰⁸ Lũy kế 10 tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 265 vụ tai nạn giao thông, làm 171 người chết, 188 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giảm 24,07% (-84 vụ), số người chết giảm 7,57% (-14 người), số người bị thương giảm 23,89% (-59 người)..

¹⁰⁹ Lũy kế 10 tháng, toàn tỉnh đã xảy ra 18 vụ cháy (giảm 44 vụ/71% so với cùng kỳ), tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 5,2 tỷ đồng, không gây thương vong về người.

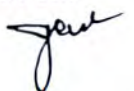
đề ra trên các lĩnh vực KT-XH, nỗ lực, chủ động ứng phó kịp thời, hiệu quả với tình hình, những vấn đề đột xuất phát sinh, triển khai đồng loạt các quyết sách lớn, nhiệm vụ mới, phức tạp, cấp bách, mang tính lịch sử về tổ chức bộ máy, thể chế, pháp luật; góp phần hoàn thành cơ bản 17/17 chỉ tiêu chủ yếu so với kế hoạch đề ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn.

9. Đánh giá chung về các tồn tại, hạn chế

Ngoài những thuận lợi và các kết quả đạt được, tình hình KT-XH năm 2025 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, các vấn đề nội tại, tồn đọng, như: Một số lĩnh vực phát triển chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, tăng trưởng nông nghiệp dự kiến không đạt kịch bản đề ra do chịu nhiều ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan, mưa lũ và dịch bệnh chăn nuôi; nguồn cung đầu vào và giá cả lương thực, hàng hóa thế giới và nhu cầu tiêu dùng nội địa tiếp tục ảnh hưởng đến một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp của tỉnh; cơ sở hạ tầng và nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; công tác bồi thường, GPMB, di dời hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu tái định cư và thi công các dự án trọng điểm tại một số điểm còn gặp khó khăn; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm so với kế hoạch; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các lĩnh vực đời sống, xã hội, sản xuất, kinh doanh của người dân và DN còn hạn chế; công tác phục hồi sản xuất sau bão lũ cần nhiều nguồn lực... Các động lực tăng trưởng mới theo các quyết sách của Trung ương như khoa học công nghệ, chuyển đổi số, khu thương mại tự do, hội nhập quốc tế... đang ở giai đoạn đầu, cần nhiều thời gian để tạo chuyển biến, đột phá và đạt kết quả rõ nét. Tình hình tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, sử dụng công nghệ cao, buôn lậu, lừa đảo qua mạng còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp.

Ngoài nguyên nhân những tồn tại, hạn chế đã nêu, có một phần là do trách nhiệm, năng lực điều hành của các cấp, các ngành còn có mặt hạn chế; việc chỉ đạo, điều hành ở một số khâu, một số lĩnh vực, một số việc có lúc chưa kịp thời, mạnh mẽ và quyết liệt (đặc biệt là các nhiệm vụ tháo gỡ khó khăn cho DN, công tác bồi thường GPMB, một số vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, quy hoạch...). Công tác tổ chức thi hành pháp luật; việc phân cấp, phân quyền, cắt giảm một số quy định, TTHC, tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp còn vướng mắc. Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện trên quy mô lớn, thời gian ngắn nên có lúc, có nơi còn lúng túng, hiệu quả chưa cao, còn vướng mắc, bất cập, nhất là ở cấp xã. Tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm chưa được xử lý dứt điểm, kỷ luật, kỷ cương có lúc có nơi còn chưa nghiêm.

Tóm lại, những kết quả đạt được trong năm 2025 phản ánh sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành, các DN và Nhân dân để quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, đánh dấu thời điểm khởi đầu cho giai đoạn phát triển mới của tỉnh Quảng Trị. Việc đánh giá các kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế trong năm 2025 là hết sức quan trọng, là cơ sở để các cấp, các ngành xác định các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể để khắc phục các hạn chế, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, vươn lên phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026, góp phần tạo thế, tạo đà, tạo lực cho thực hiện thành công các mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2026 - 2030 đề ra.



PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

I. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Thuận lợi và cơ hội:

- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo... tiếp tục phát triển mạnh mẽ, diễn biến rất nhanh, đột phá, là cơ hội và cũng là thách thức lớn đối với các quốc gia đang phát triển để bắt kịp với thế giới và khu vực. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, tiếp tục là động lực tăng trưởng toàn cầu.

- Trong nước, cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cùng với những quyết sách chiến lược về đổi mới, xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế; y tế; giáo dục; năng lượng... đang tạo ra cơ hội lịch sử, bước ngoặt cho phát triển.

- Trong tỉnh, sau hơn 35 năm tái lập (1989 - 2025) và chính thức hợp nhất từ 01/07/2025, năm 2026 đánh dấu khởi đầu giai đoạn phát triển mạnh mẽ của tỉnh nhà, tạo ra không gian mới, động lực mới, thời cơ mới với các dự án trọng điểm đang được triển khai, kết cấu hạ tầng có chuyển biến tích cực.

2. Khó khăn, thách thức:

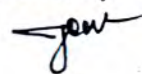
- Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là cạnh tranh thương mại, công nghệ... giữa các nước lớn, chính sách thương mại của Hoa Kỳ, xung đột quân sự, căng thẳng địa chính trị tiếp tục kéo dài; biến động giá dầu thô, lương thực... thay đổi phức tạp; tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo phục hồi chậm.

- Kinh tế trong nước đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, hạn chế nội tại về năng suất lao động, năng lực sản xuất nguyên vật liệu đầu vào trong nước, hiệu quả hoạt động của DNNN, sức cạnh tranh, khả năng thích ứng, chống chịu của DN tư nhân, nhất là DN nhỏ và vừa, nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực mới, hạ tầng kinh tế số..., cần được cải thiện, tháo gỡ quyết liệt để đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, thiên tai biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, già hóa dân số... tiếp tục cần quan tâm. Thị trường bất động sản mặc dù có những tín hiệu tích cực nhưng còn tiềm ẩn rủi ro cần theo dõi.

- KT-XH của tỉnh vẫn đối diện nhiều khó khăn, thách thức: Quy mô kinh tế nhỏ, nguồn lực đầu tư hạn chế, hạ tầng thiếu đồng bộ; sản xuất kinh doanh còn nhiều thách thức, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, ngày càng khó lường, ảnh hưởng đến đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

Xác định năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm diễn ra Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại



biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, cũng là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 – 2030; tỉnh Quảng Trị xác định các mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung triển khai hiệu quả các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 và Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết, nhất là các khâu đột phá trong nhiệm kỳ 2025 – 2030. Tập trung ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thúc đẩy sản xuất công nghiệp, đưa các dự án lớn đi vào hoạt động hiệu quả; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng trưởng du lịch hiệu quả, bền vững. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, lao động, việc làm; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả. Chủ động công tác truyền thông chính sách, tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

2. Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026:

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 9,0 – 10,0%¹¹⁰;
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 13.000 – 14.000 tỷ đồng;
- Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt 79.000 tỷ đồng;
- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt khoảng 140 - 145 nghìn tỷ đồng;
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 8 - 10%;
- GRDP bình quân đầu người (*theo giá hiện hành*) đạt 87 - 90 triệu đồng.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Tuổi thọ trung bình đạt 73,3 tuổi;
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,74;
- Số lao động có việc làm trong nền kinh tế trên 756.000 lao động;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 33%;
- Số bác sỹ bình quân trên 1 vạn dân đạt 11,8 bác sỹ;
- Số giường bệnh bình quân trên 1 vạn dân đạt 40,5 giường bệnh;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt 96%;

¹¹⁰ Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,0 - 3,5 %; Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 15% - 17% (trong đó, công nghiệp tăng 21 - 23%, xây dựng tăng 10% - 11%); Khu vực dịch vụ tăng 7,5% - 8,5%

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 69%;
- 86,5% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 68% hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn;
- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 58%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,0 - 1,5% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030).

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 61%;
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 98,2%;
- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95,3%;
- Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 50%.

2.4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

- Tỷ lệ xã, phường, đặc khu đạt cơ sở vững mạnh toàn diện về quốc phòng đạt 100%;
- Tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội giảm 5%.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Tập trung ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đổi mới, sắp xếp, cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương bảo đảm hoạt động đồng bộ, liên tục của cơ quan, đơn vị sau sắp xếp. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chông chéo trong các quy định liên quan đến hoạt động của bộ máy mới, nhất là cấp xã và các vướng mắc về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu... Tập trung sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã¹¹¹ để phù hợp với bối cảnh mới; bảo đảm tinh gọn, nhưng vẫn đủ nguồn lực thực thi nhiệm vụ, đồng thời đổi mới phương thức quản lý, nâng cao chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng yêu cầu của xã hội, của người dân. Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu về Chính quyền địa phương và địa giới hành chính, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Triển khai quyết liệt, có hiệu quả Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn 2025 - 2030. Tiếp tục hoàn thiện, phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công

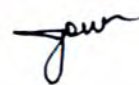
¹¹¹ Đặc biệt là sắp xếp các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng cấp tỉnh, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp giáo dục; thành lập Trạm Y tế thuộc UBND cấp xã...

chức, viên chức khoa học, đảm bảo đúng quy định. Thực hiện việc đánh giá công chức theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức (KPI). Triển khai hiệu quả cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chú trọng thực hiện chính quyền số để chuyển đổi từ mô hình hành chính quản lý sang hành chính phục vụ; xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 nhằm tập trung cải thiện xếp hạng các Chỉ số PAPI, PAR-Index, SIPAS. Thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Chú trọng thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo yêu cầu Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 06/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó chú trọng công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật, tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp nhằm khơi thông nguồn lực, kiến tạo phát triển sau sáp nhập địa giới hành chính. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về pháp lý đối với các dự án chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và DN, công tác hỗ trợ pháp lý cho DN, đặc biệt là DN vừa và nhỏ. Đổi mới, tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp; chú trọng kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp cấp xã. Chú trọng các giải pháp thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp để phát triển các tổ chức hành nghề công chứng, luật sư, Văn phòng Thừa phát lại; phát huy vai trò tự quản của Đoàn Luật sư và Hội Công chứng viên. Hoàn thành việc rà soát, xử lý dữ liệu hộ tịch với cơ sở dữ liệu dân cư để phục vụ cho công tác chuyển đổi số. Tiếp tục sử dụng, khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh công tác chứng thực điện tử; cơ sở dữ liệu về vi bằng; xây dựng Cơ sở dữ liệu về đầu giá tài sản. Hỗ trợ pháp lý, các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án; rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực dân sự, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Thực hiện hiệu quả Nghị định 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ và các Chi thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới¹¹². Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền...góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước theo chính quyền địa phương 2 cấp. Rà soát, xử lý kịp thời các vụ việc mới phát sinh; giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại,

¹¹² Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 26/8/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 22/8/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới



tổ cáo, kiến nghị, phản ánh vượt cấp, kéo dài, qua đó nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, hướng dẫn, tư vấn để người dân hiểu và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn lực gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát.

2. Tiếp tục chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; áp dụng quản trị đô thị thông minh, bền vững nhằm khai thác có hiệu quả các không gian phát triển mới

Hoàn thành điều chỉnh, thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh gắn với Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng theo phương án phân vùng mới, đẩy mạnh liên kết vùng. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, ưu tiên cho các dự án hạ tầng trọng điểm, cấp thiết, tạo động lực cho phát triển. Chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng liên vùng, hạ tầng logistics, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai quyết liệt, có hiệu quả Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và thực hiện thành công các dự án kinh tế động lực, xây dựng Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng sạch, trung tâm du lịch và dịch vụ mới của khu vực miền Trung.

Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị, lấy đô thị làm động lực phát triển. Xây dựng tập trung rà soát, điều chỉnh và xây dựng các quy hoạch đô thị theo hướng nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng lâu dài với biến đổi khí hậu, chú trọng phân vùng các khu vực chịu ảnh hưởng cao như vùng ven biển, vùng trũng thấp để hạn chế xây dựng công trình tại các khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở. Tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn¹¹³ nhằm khai thác có hiệu quả các không gian phát triển mới. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng xanh, thông minh, các công trình hạ tầng giảm thiểu ngập lụt và ô nhiễm môi trường đô thị; các công trình tận dụng các nguồn lực công nghệ và vật liệu mới, thân thiện môi trường. Tập trung phát triển các dự án nhà ở xã hội và công trình công cộng đáp ứng tiêu chuẩn bền vững; phấn đấu hoàn thành hơn 780 căn nhà ở xã hội trong năm 2026. Tăng cường quản lý phát triển đô thị theo hướng giảm thiểu rủi ro thiên tai. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý dự án, thiết kế và thi công giúp nâng cao hiệu quả, giảm chi phí và rút ngắn thời gian xây dựng. Nghiên cứu, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông theo tiêu chuẩn thân thiện với môi trường, phát triển các hình thức giao thông công cộng và vận tải xanh. Áp dụng hệ thống quản lý giao thông thông minh, số hóa các dịch vụ vận tải góp phần nâng cao năng lực quản lý, giảm ùn tắc, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế số, hỗ trợ các mô hình kinh doanh vận tải hiện đại.

Tập trung triển khai lập Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị đến năm 2045; trình phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam Quảng Trị

¹¹³ Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông, đường Hồ Chí Minh (đoạn qua tỉnh); cải tạo nâng cấp các tuyến Quốc lộ 12A, 12C, 9B; đường bộ cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, Quốc lộ 15D, tuyến đường ven biển, cảng biển Mỹ Thủy, cảng tổng hợp quốc tế Hòn La, cảng hàng không Quảng Trị, nhà ga hành khách T2 và sân đỗ máy bay - Cảng hàng không Đồng Hới, một số cảng khác phục vụ các tuyến vận tải biển quốc tế và nội địa, đầu tư các bến khách du lịch trên địa bàn để thúc đẩy phát triển du lịch...

đến năm 2045; các quy hoạch KCN. Quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội các KCN¹¹⁴ và hệ thống xử lý nước thải tập trung các KCN Bắc Đồng Hới, Tây Bắc Đồng Hới, Nam Đông Hà...Phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn, đôn đốc tiến độ thi công các dự án kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Quảng Trị, KCN Cam Liên và các khu, cụm công nghiệp nhằm tăng cường thu hút đầu tư; hoàn thành đưa vào vận hành Cảng tổng hợp Quốc tế Hòn La giai đoạn 1.

3. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang kinh tế số, kinh tế xanh

3.1. Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực có hiệu quả, thực chất; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; đến hết năm 2026, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 16,7%; công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 33%; dịch vụ chiếm khoảng 46,7%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 3,6%. Thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo...) để từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi sang kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi NSNN, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; tăng cường thu đúng thu đủ, chống thất thu ngân sách đồng thời đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ hộ kinh doanh kê khai thuế. Triệt để tiết kiệm chi, phân đầu giảm tỉ trọng chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển, đầu tư nghiên cứu khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, đi đôi với đảm bảo nguồn lực cho an sinh xã hội và các chủ trương, chính sách của Đảng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới. Nâng cao chất lượng hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản đối với dân cư nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026; trong đó, chú trọng bố trí vốn trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án quy mô lớn, kết nối rộng khắp, đồng bộ, toàn diện, đặc biệt là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH; các dự án tạo đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo đòn bẩy phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư..., tạo ra hiệu ứng nhân rộng và tăng cường tính bền vững của các dự án; đồng

¹¹⁴ Hạ tầng kỹ thuật KCN Bắc Đồng Hới mở rộng giai đoạn 2; hạ tầng KCN Cảng biển Hòn La mở rộng; Hạ tầng kỹ thuật Bãi chờ xuất tại Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo; Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và Bãi chờ nhập, chờ xuất tại Cửa khẩu Quốc tế La Lay và Lao Bảo; Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 2)...

thời khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công; phân đấu tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 53 - 56%. Tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, công tác đấu thầu để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Tập trung tháo gỡ dứt điểm vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài. Khắc phục các điểm nghẽn, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh và các chương trình MTQG, phân đấu đạt tỷ lệ giải ngân theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Phát triển công nghiệp trở thành ngành trọng điểm mang tính động lực, chú trọng các ngành công nghiệp xanh, có lợi thế cạnh tranh của tỉnh; thúc đẩy tăng trưởng thương mại, dịch vụ nhanh và bền vững

Ưu tiên quỹ đất và hạ tầng cho dự án công nghiệp lớn mang tính động lực tăng trưởng và có giá trị gia tăng cao trong lĩnh vực năng lượng, chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ và logistics, các dự án có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp. đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp sản xuất điện để đưa vào hoạt động, đặc biệt là Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I và các dự án năng lượng tái tạo¹¹⁵; phân đấu sản lượng điện sản xuất đạt 5,9 triệu kWh. Tháo gỡ khó khăn trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án năng lượng; làm việc với các bộ, ngành Trung ương để tiếp tục đề xuất bổ sung các dự án tiềm năng vào Quy hoạch điện VIII. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 18/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp kích cầu tiêu dùng trên từng địa bàn, từng mặt hàng, chương trình OCOP, thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường (đặc biệt là các quy định mới về quản lý thuế, quản lý thị trường), áp dụng công nghệ số trong chuyển đổi hoạt động thương mại truyền thống¹¹⁶; kết nối tiêu thụ sản phẩm địa phương vào các chuỗi phân phối trong và ngoài tỉnh. Đảm bảo cung ứng đủ các mặt hàng, nhất là lương thực, thực phẩm, năng lượng và hàng hóa thiết yếu khác, đặc biệt trong các dịp lễ, tết, mùa mưa bão. Tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, nhất là hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bám sát sự chỉ đạo Chính phủ, cơ quan Trung ương trong việc xây dựng Đề án Khu Thương mại tự do tỉnh Quảng Trị. Tích cực thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới, khai thác hiệu quả Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam - Lào. Tạo thuận lợi thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, Cha Lo và La Lay. Đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ để gia tăng giá trị đóng góp của các ngành

¹¹⁵ Điện gió Hướng Linh - Hướng Phùng; điện gió Lao Bảo, cụm công nghiệp Gio Linh, Hải Lăng...Đẩy nhanh tiến độ LNG Quảng Trạch II, LNG Hải Lăng I, Nhiệt điện Quảng Trị...

¹¹⁶ Hội chợ ảo, livestream bán hàng, phần mềm quản lý đơn hàng cho các hợp tác xã và DN nhỏ

dịch vụ; phân đầu tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 11%.

3.3. Phát triển nông nghiệp theo hướng nhanh, bền vững, hiệu quả và trách nhiệm, hướng tới mô hình “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”

Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hóa dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại, năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả và có sức cạnh tranh, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực. Tăng cường các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ DN, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao giống chất lượng cao chiếm 80% diện tích. Ưu tiên phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với các cây trồng chủ lực như lúa chất lượng cao, sắn, hồ tiêu, cà phê, cây dược liệu, cây ăn quả... tạo vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Đẩy mạnh xây dựng mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý và thu hút DN đầu tư theo chuỗi liên kết; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng. Phát triển chăn nuôi trang trại an toàn dịch bệnh, ứng dụng công nghệ hiện đại; chăn nuôi chủ lực theo phương thức công nghiệp, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Giám sát và kiểm soát chặt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm hiệu quả.

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp theo hướng bền vững, tận dụng tổng hợp giá trị đa dụng của rừng; phát huy chức năng bảo vệ môi trường. Phát triển rừng trồng chất lượng cao, rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, thực thi hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế rừng. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản theo hướng phát triển khai thác xa bờ, giảm dần khai thác ven bờ bền vững, hiệu quả, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi thủy sản. Số hóa quản lý hoạt động khai thác thủy sản, quyết liệt kiểm tra, giám sát và thực hiện xác nhận nguồn gốc theo đúng quy trình IUU. Phát triển nuôi trồng các đối tượng chủ lực, giá trị cao, mở rộng nuôi lồng bè trên sông, hồ chứa, khuyến khích nuôi biển quy mô công nghiệp, đáp ứng chuẩn quốc tế, cấp mã số vùng nuôi và truy xuất nguồn gốc. Phân đầu sản lượng thủy sản năm 2026 đạt 143 ngàn tấn.

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quyết tâm chính trị trong xây dựng NTM. Tăng cường phân cấp, phân quyền chủ động cho địa phương và nâng cao hơn nữa vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM. Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí. Quan tâm chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn NTM nhưng chưa đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục phát triển các sản phẩm đặc sản, thế mạnh của địa phương gắn với Chương trình OCOP theo hướng nâng cao quy mô, chất lượng, xây dựng và phát triển các thương hiệu nổi bật; tập trung nâng cấp, phát triển sản phẩm OCOP 5 sao.

3.4. Đẩy mạnh phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là khâu đột phá để thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững

Rà soát, cập nhật thông tin tài nguyên du lịch theo không gian phát triển mới, xây dựng lại định hướng phát triển sản phẩm du lịch chủ lực của các địa phương. Lấy văn hóa, con người làm nền tảng; tiếp tục đổi mới cả về nội dung, phương thức thực hiện, kết hợp hài hòa nguồn lực nhà nước và nguồn lực xã hội trong quảng bá, xúc tiến, định vị Quảng Trị là một trong các điểm đến du lịch hấp dẫn nhất Việt Nam, trung tâm du lịch mạo hiểm của khu vực Châu Á gắn với những hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc. Đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng và xúc tiến du lịch; thu hút các nguồn lực, dự án đầu tư các trung tâm du lịch lớn, các điểm du lịch; chú trọng phát triển Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp khu vực. Xây dựng các chiến dịch quảng bá du lịch trọng điểm, kết hợp với các sự kiện xúc tiến du lịch trong và ngoài nước. Có sức lan tỏa, thu hút du khách và nhà đầu tư. Phấn đấu tổng lượt khách du lịch năm 2026 đạt 10,5 triệu lượt.

Phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng như: Xây dựng sản phẩm “Du lịch bản địa”, “Du lịch nông nghiệp – làng nghề”, “Du lịch về nguồn” kết hợp trải nghiệm văn hóa. Hợp tác phát triển du lịch liên vùng với các tỉnh lân cận theo tuyến – điểm. Nâng cao chất lượng dịch vụ và cơ sở vật chất; kêu gọi đầu tư khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp. Chuẩn hóa cơ sở lưu trú cộng đồng (homestay) theo tiêu chuẩn du lịch xanh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong du lịch, hoàn thiện Cổng thông tin du lịch địa phương.

3.5. Phát huy đầy đủ vai trò và chức năng của các thành phần kinh tế, chú trọng phát triển kinh tế tư nhân; tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư nhằm tạo điều kiện cho DN tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác... để từng bước phát triển kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản QPPL hướng tới việc hỗ trợ DN chuyển đổi số, nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị; khuyến khích tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ mới nổi... Hoàn thành báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý đối với nhà, đất là tài sản công thuộc quyền quản lý chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương để cho DN nhỏ và vừa, DN công nghiệp hỗ trợ, DN đổi mới sáng tạo thuê phục vụ sản xuất, kinh doanh

Triển khai hiệu quả Nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước sau khi được Bộ Chính trị thông qua. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp (Bến Hải, Triệu Hải, Đường 9); thực hiện Kế hoạch sắp xếp lại DN nhà nước, DN có vốn nhà nước giai đoạn 2022- 2025. Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, hợp tác xã hiện đại, hiệu quả, bền vững góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, xây dựng NTM và bảo đảm an sinh xã hội đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng

các mô hình hợp tác và hình thức liên kết hoạt động có hiệu quả¹¹⁷; kết nối doanh nghiệp - nhà máy - HTX nhằm phát triển HTX gắn chuỗi giá trị; tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với DNNN. Tăng cường hỗ trợ các HTX ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số.

Tập trung đổi mới, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung rà soát, cắt giảm TTHC để giảm phiền hà, tiết kiệm chi phí cho người dân, DN; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Triển khai các giải pháp cải thiện vị thứ xếp hạng chỉ số PCI, phần đầu đưa chỉ PCI của tỉnh trong Top 20 toàn quốc. Đây mạnh công tác vận động, kêu gọi, thu hút các dự án ODA, NGO, FDI để tăng nguồn lực cho đầu tư cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội của tỉnh. Phần đầu năm 2026, tổng số DN đang hoạt động trong nền kinh tế đạt 10.900 DN; thu hút vốn FDI khoảng 100 triệu USD, vốn ODA khoảng 11 triệu USD, vận động NGO khoảng 15 triệu USD.

3.6. Phát triển mạnh mẽ, đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh Chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và hình thành công dân số

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; trong đó tập trung rà soát hoàn thiện thể chế; kiện toàn và phát triển nhân lực số; thúc đẩy phát triển hạ tầng số, các nền tảng số và cơ sở dữ liệu. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, tháo gỡ các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Hỗ trợ, khuyến khích DN ứng dụng công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm. Triển khai mạnh mẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Khuyến khích tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, các công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Xây dựng, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh. Hướng dẫn, hỗ trợ những ý tưởng/dự án có tiềm năng hoàn thiện mô hình kinh doanh để mời gọi các nhà đầu tư. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2026 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số phục vụ công tác chuyển đổi số, trong đó thực hiện các hạng mục phục vụ chính quyền số trọng điểm như: Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu; xây dựng hệ thống mạng diện rộng; xây dựng nền tảng phần mềm và kho dữ liệu chuyên ngành cấp sở, ngành, địa phương, kết nối vào kho dữ liệu dùng chung và các kho dữ liệu chuyên ngành. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xóa vùng trắng sóng băng rộng di động, băng rộng cố định, tăng cường phủ sóng 5G. Nâng cao tỷ lệ thực hiện dịch vụ công toàn trình; phát triển kinh tế số, xã hội số, tăng tỷ trọng kinh tế số trong phát triển KT-XH của tỉnh. Triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”. Đây mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao

¹¹⁷ Phần đầu số HTX tốt, khá chiếm từ 60% trở lên

trình độ đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, đặc biệt là cấp xã; phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao; chú trọng đào tạo kỹ năng số cho người dân và DN, hình thành công dân số.

4. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

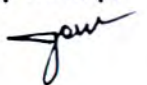
4.1. Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục đào tạo. Chuẩn bị các điều kiện và triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045; 100% giáo viên đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019; tuyển dụng, bố trí đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, chú trọng phát triển năng lực, phẩm chất, kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, năng lực số, ngoại ngữ cho học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, trải nghiệm, khởi nghiệp. Đổi mới kiểm tra, đánh giá cả về hình thức lẫn nội dung đảm bảo mục tiêu chính xác, thực chất, khách quan. Triển khai tốt công tác phổ cập giáo dục, đặc biệt là ở các đơn vị hiện đang ở Mức độ 1 về phổ cập THCS, đảm bảo đến năm 2030 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và phổ cập giáo dục bắt buộc hết THCS. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục: Triển khai học bạ điện tử, trường học thông minh, cơ sở dữ liệu ngành; bảo đảm 100% cơ sở giáo dục kết nối Internet tốc độ cao. Phát triển giáo dục vùng khó, miền núi, biên giới, xây dựng trường nội trú liên cấp, đảm bảo chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số; thu hẹp chênh lệch về chất lượng giáo dục; hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành 04 trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 4 xã biên giới (Hướng Phùng, Dân Hóa, Đakrông, Thượng Trạch). Tiếp tục đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường hợp tác quốc tế, xã hội hóa giáo dục, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức xã hội đầu tư, tài trợ, đồng hành trong chuyển đổi số và đổi mới giáo dục.

Thúc đẩy mạnh mẽ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu nhân lực tại địa phương, DN và các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, đáp ứng nhu cầu nhân lực, chuyển mạnh từ trang bị lý thuyết sang phát triển kỹ năng nghề; chú trọng đào tạo lại, cập nhật kiến thức cho lao động nhằm thích ứng với công nghệ mới, kinh tế số, xanh và tuần hoàn. Đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp gắn với nhu cầu nhân lực địa phương; phát triển mối liên kết giữa trường phổ thông - cơ sở nghề nghiệp - doanh nghiệp.

4.2. Tạo bước chuyển biến rõ rệt trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe toàn diện cho Nhân dân.

Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một



số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; chuẩn bị các điều kiện để triển khai Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 sau khi được ban hành. Sắp xếp tổ chức của ngành phù hợp nhằm phát huy năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới chăm sóc sức khỏe từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y bác sĩ; tăng cường triển khai đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhằm đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu, phân bổ hợp lý theo vùng miền đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh. Từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chấn chỉnh thái độ phục vụ người bệnh. Đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời thuốc, vắc xin, sinh phẩm và vật tư y tế. Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế, tạo điều kiện cho y tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các bệnh viện tư nhân trên địa bàn. Đẩy mạnh triển khai công tác chuyển đổi số; hoàn thành việc thực hiện Bệnh án điện tử. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về y tế. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm tự nguyện nhằm tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Xây dựng Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc sàng lọc miễn phí cho người dân ít nhất mỗi năm 1 lần. Chú trọng nâng cao công tác dân số; thực hiện chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Đến hết năm 2026, dân số trung bình đạt khoảng 1.605 nghìn người. Tăng cường phòng chống ngộ độc thực phẩm; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm.

4.3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người Quảng Trị mới

Xây dựng, phát huy yếu tố văn hoá, con người Quảng Trị mới để thực sự là đột phá phát triển KT-XH, hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới. Triển khai quyết liệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa ngay sau khi được ban hành. Tập trung triển khai giai đoạn 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa (2025-2035). Tổ chức tốt các sự kiện chính trị – văn hóa lớn, đặc biệt là các sự kiện quốc gia gắn với tỉnh¹¹⁸. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển một số sản phẩm văn hóa chủ lực, có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; thu hút cộng đồng tham gia các hoạt động văn hóa cơ sở và sáng tạo văn hoá nhằm cung cấp, phổ biến và tạo ra nhiều sản phẩm, tác phẩm, công trình văn hoá có chất lượng nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Tiếp tục triển khai Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030. Thực hiện việc quy hoạch, tu bổ, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh. Triển khai các nội dung về xây dựng Bảo tàng “Ký ức Chiến tranh và Khát vọng Hòa bình”. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Chuẩn bị kỹ lưỡng lực lượng

¹¹⁸ Tuyên truyền Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và bầu cử Quốc hội khóa XVI; Lễ Hội Vì Hòa Bình năm 2026; Hội thi Tiếng hát tình Quảng Trị; Ngày hội Gia đình tình Quảng Trị; Lễ hội Thống nhất non sông; Cuộc thi sáng tác biểu tượng Ước nguyện Hòa Bình...

Vận động viên tham gia thi đấu các môn tại Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026. Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Ưu tiên xây dựng và nâng cấp các công trình trọng điểm và các dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu. Phần đầu năm 2026, có thêm 01 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt.

4.4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả; tập trung công tác truyền thông chính sách

Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong công tác tuyên truyền, báo chí và xuất bản; phát triển các nền tảng truyền thông số, trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử ngành, địa phương và đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh Quảng Trị nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội, khơi dậy khát vọng phát triển và tinh thần đổi mới, sáng tạo của toàn dân; phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xuyên tạc, gây chia rẽ, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân.

4.5. Tạo việc làm, giảm nghèo nhanh, bền vững và nâng cao đời sống cho Nhân dân

Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập sâu rộng; xây dựng chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026 - 2030; duy trì các thị trường truyền thống, nghiên cứu mở rộng thị trường lao động nước ngoài gắn với đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ, văn hóa, tập quán của các nước cho người lao động; kiểm tra, giám sát hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả công tác kết nối thông tin thị trường lao động và các chính sách hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, trọng tâm là tăng năng suất lao động xã hội. Phần đầu đến hết năm 2026, năng suất lao động theo giá hiện hành đạt 190 triệu đồng; tỷ trọng lao động có việc làm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 33,6%, công nghiệp và xây dựng chiếm 25%, dịch vụ chiếm 41,4%; tỷ lệ thất nghiệp dưới 2,6%; thu nhập bình quân đầu người trên 4,9 triệu đồng/tháng; tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động đạt 52%.

Nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm mọi người dân, nhất là người nghèo, người yếu thế được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn II (2026-2030) sau khi được phê duyệt; triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo, nhất là hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, xuất khẩu lao động; đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, giảm nghèo bền vững ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, kiểm soát tình hình các loại hình tai nạn, bạo lực với trẻ em; bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, kiểm soát ma túy, mại dâm; triển khai hiệu quả Chương trình MTQG về phòng chống ma túy đến năm 2030. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ người cao tuổi,

nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thể hệ tự giúp nhau. Thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng, kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch các chính sách đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các phong trào Đền ơn đáp nghĩa; huy động mọi nguồn lực chung tay chăm lo đời sống của người có công; tăng cường vận động, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.

4.6. Tập trung thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, xã hội; giáo dục, đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Làm tốt các chính sách an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo; thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, công tác cán bộ, cải cách hành chính, thống kê; công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật, phát triển khoa học công nghệ, môi trường. Tăng cường công tác nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có đồng bào tôn giáo để phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, địa phương đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; không để xảy ra các điểm nóng, phức tạp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có đồng bào tôn giáo.

5. Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; tích cực chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Tiếp tục nghiên cứu tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về đất đai phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tổ chức triển khai toàn diện, hiệu quả công tác quản lý đất đai: Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; thực hiện điều tra, đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất. Đôn đốc công tác định giá đất các dự án đã được UBND tỉnh giao. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, định giá đất, giải phóng mặt bằng, tạo nhiều quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Kiểm soát chặt chẽ và công khai, minh bạch trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Triển khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giao dịch điện tử về đất đai. Ban hành và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2026; kiểm kê thực trạng nguồn lực tài nguyên khoáng sản, áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thu hút đầu tư các khu tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng để nâng hiệu quả đầu tư, xử lý đồng bộ với công nghệ đảm bảo các tiêu chuẩn. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, xây dựng hệ thống quan trắc về môi trường.

Rà soát, điều chỉnh và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh phù hợp với không gian phát triển mới. Hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn để phục vụ tốt công tác phân tích, dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai. Chỉ đạo thực hiện các giải pháp tích trữ nước, phòng chống hạn hán, phục vụ sản xuất, đời sống; chú trọng quy trình vận hành an toàn đập, hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ bảo đảm an toàn công trình và hạ du; hoàn thiện Đề án “Khai thác tổng hợp, đa mục tiêu các hồ

chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa, xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

6. Tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh

Bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại là lực lượng trung thành bảo vệ Đảng, chính quyền, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch từ sớm, từ xa. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Thực hiện đủ chỉ tiêu về tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công dân tham gia Công an nhân dân.

Nâng cao chất lượng hiệu quả xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ; xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh ngay từ quy hoạch, kế hoạch phát triển. Xây dựng đồng bộ hệ thống công trình phòng thủ dân sự; dự báo, nắm chắc tình hình, chủ động tham mưu xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến quốc phòng - an ninh, biên giới, vùng biển đảo, vùng trời, không để bị động, bất ngờ, hình thành “điểm nóng”, phức tạp về an ninh, trật tự.

Chú trọng tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước; bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, của tỉnh (đặc biệt là Đại hội Đảng XIV và bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031), hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế. Tiếp tục kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, cháy nổ (phần đầu kéo giảm 5% trên cả 03 tiêu chí tai nạn giao thông; kéo giảm 5% tổng số vụ cháy cấp III trở lên). Khai thác, ứng dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ công tác quản lý xã hội và phòng chống tội phạm. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới; phát huy vai trò lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở.

Nâng cao sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh tôn giáo, an ninh thông tin, trật tự an toàn xã hội, phòng chống thiên tai, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Tổ chức lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, rộng khắp tinh gọn, vững mạnh. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả toàn diện, đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, vùng biển, đảo, đường biên, mốc quốc giới; giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội, hợp tác phát triển KT-XH khu vực biên giới. Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt.



Tổ chức tốt các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ và diễn tập phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn theo đúng kế hoạch; chủ động huy động lực lượng vũ trang hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chế độ, chính sách đối với người có công; đẩy mạnh đối ngoại quốc phòng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định.

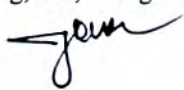
7. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 1346/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới bảo. Ban hành và triển khai Chiến lược đối ngoại tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, định vị Quảng Trị là trung tâm kết nối Đông - Tây và hợp tác quốc tế của miền Trung. Triển khai các thỏa thuận hợp tác quốc tế đã ký năm 2025, đồng thời chuẩn bị ký kết mới các chương trình hợp tác giai đoạn 2026 - 2030 với các tỉnh Lào¹¹⁹ và với Nhật Bản trong lĩnh vực đào tạo, lao động kỹ năng và giao lưu văn hóa. Tiếp tục phối hợp thực hiện Đề án “Hợp tác triển khai Hành lang kinh tế Quảng Trị - Salavan - Ubon Ratchathani”, mở rộng hợp tác đa phương trên Hành lang Kinh tế Đông – Tây. Xây dựng và triển khai Kế hoạch xúc tiến viện trợ PCPNN năm 2026, ưu tiên các dự án về khắc phục hậu quả bom mìn, y tế, giáo dục, biến đổi khí hậu, hỗ trợ người khuyết tật và phát triển sinh kế bền vững. Tiếp tục hỗ trợ tỉnh Khammouan xây dựng, vận hành Trường Phổ thông Dân tộc Việt Nam tại Lào. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngoại vụ theo hướng chuyên nghiệp, hội nhập. Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong công tác đối ngoại; phát huy vai trò Tổ công tác Ngoại vụ trong xúc tiến đầu tư, hợp tác biên giới và quản lý PCPNN.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 và dự kiến kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026, UBND tỉnh báo cáo./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ, Vụ Địa phương VPCP;
- Bộ Tài chính;
- BCH Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban TU;
- VP ĐDBQH&HĐND và các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: LĐVP, các phòng, ban, Trung tâm;
- Lưu VT, TH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

¹¹⁹ Savannakhet, Salavan, Khammouan, Champasak, Sekong, Xaysomboun

PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội năm 2025(Kèm theo Báo cáo số **240** /BC-UBND ngày **05** /**12**/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	ƯTH năm 2025	Đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	8,0	8,0	Đạt
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,5	2,9	
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	10,8	10,8	
	- Dịch vụ	%	8,1	8,3	
	- Thuế SP trừ TCSP	%	6,5	7,4	
2	Cơ cấu GRDP	%	100	100	Đạt
	- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	17,6	18,1	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	31,0	29,5	
	- Dịch vụ	%	47,7	48,6	
	- Thuế SP trừ TCSP	%	3,7	3,8	
3	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)	Triệu đồng	79,1	79,1	Đạt
4	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	69.800	71.000	Vượt
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	11.600 - 12.100	> 13.300	Vượt
7	Giải quyết việc làm hằng năm	Người	34.000	35.000	Vượt
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	73,6	73,6	Đạt
-	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	32,6	32,6	
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều				
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	1	1,01	Đạt
10	Số bác sỹ và giường bệnh bình quân trên 1 vạn dân				Đạt
-	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	11,4	11,4	
-	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	38,3	38,3	
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,1	95,2	Vượt
12	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	66,8	66,9	Vượt
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn NTM	%	56,5	56,5	Đạt
13	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch và hợp vệ sinh	%	98,4	98,4	Đạt
14	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	86,2	86,2	Đạt
15	Tỷ lệ che phủ rừng	%	61,5	61,5	Đạt
16	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý	%	89,5	91,2	Vượt
-	Khu vực đô thị	%	97,5	98	
-	Khu vực nông thôn	%	83,3	83,5	
17	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	Đạt